

Một kỹ sư trẻ tài năng

Lời Giới thiệu: Phạm Đăng Khoa sinh năm 1946 tại Nam Định, tốt nghiệp Kỹ sư Công nghệ Khóa 12 năm 1971, làm việc tại Xưởng đúc hăng CARIC SaiGon. Chỉ vài tháng sau ngày 30/4/1975, anh bị một tai nạn trong một lần đi làm “công tác thủy lợi”, bị chết đuối trong một cái ao nhỏ cạnh sông Sài Gòn!!!

Có lẽ tôi còn nợ anh Khoa một bài viết, nên mới đây, khi liên lạc được với anh Nguyễn Xuân Mỹ ở Texas- Hoa Kỳ, sau hơn 40 năm cách biệt, Mỹ và Khoa cùng khóa KSCN12, thuộc Trung tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, tôi vội viết bài này để tưởng niệm Phạm Đăng Khoa. Tôi đã chứng kiến cái chết của người bạn kỹ sư tài năng này lúc anh mới vừa tròn 30 tuổi, còn rất trẻ.

“Hãng” Caric là một công ty chuyên làm các công trình lớn về giao thông, hàng hải, cơ khí ... như đóng các phà cho Bộ Giao Thông Vận Tải, xe LaDaLat cho hãng xe Citroen (lúc đó, nghe đâu chủ tịch tập đoàn xe hơi Hyundai còn đang làm ruộng thì phải!!), làm các lò hơi, các thiết bị cho Công ty điện lực, nhà máy đường, đòn điền cao su ..., nằm bên kia bờ sông Sài Gòn, thuộc địa phận Thủ Thiêm, đối diện bên Bạch Đằng. Caric đã có ở đó rất lâu, từ thời Pháp thuộc còn sót lại, do một người Pháp gốc Do thái làm chủ.

Tháng 8 năm 1970, vừa ra trường, tôi được hãng Caric nhận vào làm ở “Trại A”, phân xưởng chánh về cơ khí-máy dụng cụ, còn anh Khoa, vào sau một năm và làm “Trại F”, phân xưởng đúc các cơ phận. Hai trại nằm sát bên nhau, cùng trẻ, cùng trường và cũng có thể vì sợ tôi “trả” về các đồ anh

áy đúc ra có lỗi, nên chúng tôi dễ kết thân từ đó.

Theo anh Mỹ cùng khoá, thì trong lớp thường gọi anh ấy là “Khoa điên” vì nhiều lúc anh cởi trần, chơi bóng rổ một mình, giữa trưa nắng chang chang... Anh Khoa có một gương mặt chữ điền và nốt ruồi hơi to bên má phải, người to lớn vạm vỡ, nước da ngâm đen, tóc quăn và để dài đến tận vai, ngực thì đầy lông như tay, đai đen về Taekwondo thì phải, lúc nào cũng nói nhanh, dù là tiếng Anh hay Pháp.

Sau khi ông T. (nguyên là giáo sư dạy về luyện kim của chúng tôi ở trường) rời chức vụ trưởng phân xưởng đúc trại F, anh Khoa lên thay thế, tôi không biết anh ấy điều hành như thế nào, nhưng sản phẩm giao sang cho phân xưởng cơ khí có khá hơn, bót bị trả về, bót các lỗi như bị bọng, có lỗ mọt, nếu lỗi quá lớn phải tồn nhiều giờ công hay thiếu kích thước do co rút biến dạng... Anh Khoa, học hỏi từ công việc, phát huy sáng kiến của mình vào mỗi đơn đặt hàng, theo sát công việc từ nhân sự cho đến thiết bị, đối xử mọi người trong phân xưởng như trong gia đình thân thuộc, các ông cai, ông thợ mến anh, nên chỉ anh tận tình, nói hết những kinh nghiệm mình có, nên anh có sức tiến rất nhanh, nắm được bí quyết trong ngành nghề.

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thành phẩm đúc, vì vào thời đó chưa có những thiết bị kiểm soát tối tân như ngày nay, nên chỉ dựa vào kinh nghiệm hay sự thông minh suy đoán về nhiều yếu tố: như độ ẩm, cát, khuôn, cách xông khuôn, than coke, kim loại thô, chất gia phụ, hệ thống gió, lò, gàu đỗ, cần trực.... quá nhiều thông số không

hiểu được, do đó ngày nay, kỹ nghệ sản xuất thay thế các cơ phận kim khí, gang thép bằng các vật liệu khác có nhiệt độ nóng chảy thấp như plastic, nhôm, các hợp kim nhẹ ...dễ làm, dễ kiểm soát, dễ thay thế hơn.

So với các ngành khoa học khác, về luyện kim, tài liệu, sách vở, tạp chí, thông tin lúc đó rất hiếm, đếm trên đầu ngón tay, nếu có thì cũng quá cũ, đúc hợp kim là một bí mật tuyệt đối của từng cá nhân, từng công ty hay cho một quốc gia, vì nó có tầm nhìn chiến lược như chế tạo phi thuyền, xe tăng, trọng pháo... nếu thép không tốt thì súng không thể tốt được.v.v...

Tôi còn nhớ, Khoa thường sang phòng tôi, có máy lạnh, sau mỗi mẻ đúc xong, mồ hôi nhè nhẹ, tay vẫn còn cầm nhiệt phổ kế (pyrometer), áo khoác phách ngực. Nghề đúc là vậy, thích nóng hơn lạnh, khô hơn ẩm ướt, đó là chưa kể những khí độc thoát ra từ mọi thứ khi ở nhiệt độ rất cao trên 1200 độ C, do đó rất ít người thích nghề đúc, vì toàn thân, tay chân, mắt mũi đều bị ảnh hưởng....

Khi nào phát hiện cái hay, anh chạy sang, tay cầm giản đồ,nào là eutectic, nào là eutectoid..., nói thao thao bất tuyệt, giảng cho tôi, khi nào phải bỏ gia phụ vào, như chrome, manganese, titan, tungsten.... một cách say sưa, không cần biết người nghe có hiểu hay không, mặc kệ. Nói xong rồi bỏ đi về, đôi khi tôi cũng gay gắt lại "Thôi thôi, được rồi, ông về bên ông đi, tôi đang làm việc". Khoa không bao giờ giận tôi dù tôi có trách móc trong công việc, có lẽ do tôi có giới thiệu cho Khoa, một cô bạn gái đồng nghiệp, cô Mai, kế toán ở bến cảng nhà Rồng.

Sau 30/4/75, anh mua ở đâu một chiếc mô tô của Đông Đức, mặc áo blouson da, vào nhà tôi để khoe, xe nổ to rầm trời, tôi hỏi: "Anh dám chở Mai trên đây sao, em chịu ngồi à?"; Khoa vừa cười mim, vừa trả lời: "Sao không dám, giựt như thế mới đã, ông thấy sao?"...

Có một ngày, cuối tuần sau khi tan sở, anh mời tôi về nhà ăn cơm, có lẽ, sinh nhật anh thì phải, hai

đứa cùng cưa một chai rượu tây mạnh, cùng tâm sự thì mới biết bà cụ của anh là dì ruột của Trưởng Chinh ... Khi tôi ra về anh chỉ tay sang dãy nhà đối diện cùng hẻm, đây là nhà tướng Trưởng và nói một ít về ông ấy.

Trong một ngày đi thủy lợi của toàn hăng, tại một cánh đồng ở gần đó, sau khi tất cả về hết, dĩ nhiên là phân xưởng nào thì lo cho phân xưởng đó, tôi không thấy Khoa và đình ninh anh ấy đã về trước, tối chiều tối thì cháu gái anh mới báo động là chú ấy không thấy đâu cả, mà quần áo thì còn gói cháu đây, lúc đó tôi đã đang ở cù xá công nhân, cách hăng chừng 2km, bèn huy động anh em vào lấy xe LandRover của hăng, khoảng 11,12 giờ khuya, ra chỗ làm thủy lợi ban sáng, xe đang chạy trên cánh đồng trống thì thình lình có con chim cú mèo (owl) đậu trên đầu xe đang chạy, anh Tâm (Phong Hạnh Tâm, anh của nghệ sĩ Ngọc Giàu) tài xế nói "Thôi, ông Khoa đi rồi". Tôi ngồi kế bên, không tin như vậy nên trả lời "Anh nói giốn hoài"... Xe đến chỗ có cái ao không to lắm (ao phía sau, hâu như mỗi nhà ở quê thường thấy, không sâu quá đầu), điểm tập trung rửa tay trước khi ra về. Xe đậu chiếu đèn vào ao, cho bốn em công nhân trẻ tình nguyện cởi quần áo, cùng nắm tay lặn rà qua lại mọi phía, ba bốn lần, nhưng không tìm thấy gì. Có người nói "Thôi về ông ơi, ông không có ở đây đâu", trong bụng tôi cũng rủa thầm "Mày đừng làm khó dễ anh em nghe Khoa!!", thì có một em trai đang học việc làm trong lò đúc, thường kêu Khoa bằng "sư phụ" nói với tôi "Thôi để em xuống coi lần chót coi sao". Em đó nhảy xuống lặn, lâu chừng bằng một làng hơi, thì trồi ngược trở lên, la thất thanh: "Đụng rồi, đụng rồi!" Tôi hỏi "Đụng cái gì?", em đáp: "Cái chum của ông". Lúc đó tôi chỉ kêu trời "Không lẽ là mày sao Khoa!!!" Lòng tôi chết điếng, anh em công nhân nhào xuống chỗ tìm thấy, mang anh lên, thấy miệng anh vẫn cắn chặt, nước không vào trong người được... Khoa đã chết!!!

Vì gia đình anh Khoa không cho mang về nhà, (chết vì sông nước, sợ có huống cho người nhà), nên anh Khoa được tẩn liệm ngay trong hăng

trước khi đem chôn. Tôi nghĩ anh Khoa mắt có lẽ vì cú xóc, mắt điệu như bị điện giật, đứng tim, ngập thở trong nước, thân nhiệt đang nóng sau khi lao động, nhảy vào ao lạnh, nước tủ ở đáy còn lạnh (nếu nước chảy như dòng sông, thì nhiệt độ trên mặt và dưới đáy không cách biệt bao nhiêu, nước chảy trộn đều trên dưới). Đường như có ai che mắt, cho nên có cả trăm công nhân trong hầm đi thủy lợi hôm đó, nhưng không ai thấy anh Khoa nhảy xuống ao lúc nào!!!

Vài giai thoại siêu hình (điếc) xảy ra một tuần trước khi mất, như anh ấy cắt tóc cao lên (bình thường để tóc dài, như ba bốn tháng chưa hớt), và đòi cô Bình, thơ ký văn phòng chưa có gia đình, con gái ông Lương, họa viên, dẫn đi nhà thờ; và cũng trước một tuần, khi xà lan chở nhân viên chiêu về qua sông Sài Gòn, có một đám người lúm xùm chỉ chở một xác người chết trôi tấp vào bờ, tôi tự nhiên vọt miệng chỉ tay nói với anh: "Kìa, bạn anh kia", Khoa cười và đáp: "Sức mẩy, lá số của tôi có sao Tử vi chiếu, là sao tốt nhất, tôi sẽ sống đến 99 tuổi", nào ngờ, lời nói của tôi lại thành sự thật đáng buồn, anh ra đi trong cái ao nhỏ, cách sông Sài Gòn không bao xa...

Nhớ lại có lần, anh kể chuyện, có mấy ông tiến sĩ, phó tiến sĩ từ Hà Nội vào tham quan, rất ngạc nhiên nói với anh: "Anh đồ thép à!!!" và anh đã nói: "Còn có ngày tôi sẽ làm ra thép không rỉ (inox)". Cuộc sống quá ngắn ngủi, không đủ cho Anh thực hiện giấc mơ nhỏ của mình.

*"Ra đi không nói ngày về
Nhưng tôi vẫn nhớ những ngày sang sông
Anh đồ thép, tôi phay tiện
Khoa cười, tôi nói, coi đời như không"
Chào Anh,
Một người bạn còn nhớ đến anh,*

TT.

(CTN-kscn11)

13/2/2013

KHÔNG SÂU

Một lữ khách cởi ngựa đến một dòng sông; ngừng lại, ông hỏi một cậu bé chăn vịt gần đó rằng sông có sâu không. Cậu bé trả lời:

- Dạ, không!

Người khách nghe thế mới vượt sông. Nhưng khi đến giữa dòng, cả người lẫn ngựa hụt hơi, bơi trồi chết mới qua được bên kia sông. Khi tới bờ, lữ khách hét vọng sang:

- Sao ngươi nói là sông không sâu!

Cậu bé đáp lại:

- Dạ, cháu thấy mặt nước chỉ tới ngang bụng mẩy con vịt của cháu thôi mà!

CA DAO MỚI

Gió mùa Thu anh ru em ngủ,
Em ngủ rồi cạy tủ anh đóng!

Hôm qua anh đến nhà em,
Ra về mới nhớ để quên 5000.
Anh quay trở lại vội vàng,
Em còn ngồi đó, 5000 mất tiêu!

Trên đồng cạn dưới đồng sâu,
Vợ chồng cày cấy, chập sau mệt dù!

Gió đưa bụi chuối sau hè,
Giõn chơi chút xíu ai dè ... có con!

Thời thơ áu của tôi

Nguyễn Công Đàm CN11

Trong cái trí nhớ non nớt của tôi, tôi chỉ biết rằng tôi sinh ra tại làng Yên Thôn, tổng Thạch Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. U tôi kể rằng (tôi gọi mẹ tôi bằng u) trong lúc sinh tôi ra, bọn Tây kéo đến làng, mọi người phải tản cư, riêng mẹ con tôi không thể theo họ được. Vì tôi mới vừa được sinh ra, mẹ tôi không thể di chuyển xa nên hai mẹ con tôi phải giải một cái chiếu dưới gốc một lũy tre xanh bên cạnh một bờ ao gần nhà và nằm ở đó cho tới khi yên ổn, mọi người trở lại làng thì mẹ con tôi mới trở về nhà.

Tôi không biết trước khi sinh ra tôi, u tôi đã sinh sống ở làng Yên Thôn hay ở một nơi nào khác trong tỉnh Sơn Tây. Tôi nhớ, khi thơ áu tôi sống ở làng Yên Thôn. Mặc dù lúc đó tôi còn nhỏ nhưng tôi cũng đã được hưởng mùi hương thơm dịu nhẹ của những hạt lúa chín vàng, đã nhìn thấy những cây lúa nặng trĩu hạt, mỗi khi được một ai đó trong gia đình tôi dẫn đi chơi qua những cánh đồng lúa. Trong dịp dừng trong đồng ruộng bao la này, tôi đã thấy một đoàn ô tô chừng hòn chục chiếc nối đuôi nhau chạy ở phía chân trời xa xa. Đây là lần đầu tiên tôi thấy xe ô tô (xe hơi) chạy ở một khoảng cách rất xa, tôi đoán là xe nhà binh. Thực ra, lúc ấy tôi không biết đó là đoàn xe hơi, chỉ biết rằng có một số khói gì đó di chuyển cùng với nhau nhưng khi lớn hơn một chút tôi mới biết đó là một đoàn xe ô tô. Trong thời gian sống ở làng quê, có những buổi trưa hè oi ả tôi cũng đã được tắm trong những hồ nước trong veo, nhưng không phải hồ sen như cụ Nguyễn Khuyến tả mà là một hồ nước nhân tạo được xếp bằng những

viên đá cuội lớn nhỏ. Hồ này ở cạnh một cây hoa đại thật to, một phần rễ cây ăn xuống hồ và những rễ cây này chính là những chỗ để chúng tôi bám bén vào mỗi khi cần. Cành cây phủ một phần hồ để che bớt những tia nắng gay gắt ở phía trên. Trên cành dày hoa trắng tỏa ra một mùi hương thơm nhẹ nhẹ.

Thế rồi cuộc đời cứ trôi chảy đi. Tôi lại thấy tôi sống ở tỉnh lỵ Sơn Tây (TLST). Khi đó tôi cũng còn quá nhỏ để biết được tôi di chuyển lên TLST khi nào. Tôi chỉ còn nhớ rằng, gia đình nhà tôi lúc ở TLST có mặt thầy tôi (tôi gọi bố tôi là thầy). Thầy tôi có hai vợ, chỉ có u tôi là lên sống ở TLST (mẹ tôi là vợ thứ hai của bố tôi). Còn mẹ già tôi thì vẫn ở lại làng Yên Thôn để trông coi ruộng vườn nhà cửa. Nhà cửa của gia đình tôi ở làng Yên Thôn lớn lăm. Trong trí nhớ của tôi đó là nhà gạch hai tầng. Thầy tôi cho biết trước kia là nhà ba tầng, sau đó tầng thứ ba phải gỡ bỏ trong thời kỳ tiêu thổ kháng chiến, nên chỉ còn lại hai tầng. Chung quanh nhà là một bức tường cao xây bằng đá ong. Phía bên trái nhìn từ ngoài vào là cái cổng lớn, bên trong là sân nhà thật rộng được lát bằng những viên gạch vuông màu đỏ, hai bên là hai cầu thang để lên tầng trên. Ở TLST, ngoài thầy, u tôi, còn có hai chị và một anh con của mẹ già tôi, và một anh con của u tôi. Như vậy, trên TLST gia đình tôi có bảy người. Còn ở làng Yên Thôn chỉ còn có mẹ già tôi với cô con gái út của mẹ tôi. (Tôi gọi mẹ già tôi bằng mẹ). Còn cách xung hô với bố mẹ thì trong làng tôi cũng khác với những nơi khác, chúng tôi thường xung với bố mẹ là

“em” thay vì là “con” như bình thường. Đây là cách xưng hô rất phổ biến trong cá làng tôi. Như vậy, trong gia đình tôi, con bà hai thì có thầy, mẹ, u, em. Còn con của mẹ già tôi thì có, thầy, mẹ, dì, em (các con của mẹ già tôi gọi u tôi bằng dì).

Thầy tôi có hai vợ cũng thật là ngộ nghĩnh. Mẹ già tôi sau khi sanh, chừng khoảng 9, 10 năm sau không mang bầu nữa. Mẹ già tôi muốn có thêm con nên đi coi bói. Không biết ông thầy bói này có phải là bạn của bố tôi không, hay bố tôi có cho tiền để ông nói với mẹ già tôi nếu muốn có con nữa phải cưới vợ hai cho bố tôi. Thế là mẹ già tôi đi cưới u tôi về cho bố tôi. Mà ông thầy bói nói đúng thật, vì sau đó hơn một năm hai bà mẹ tôi sanh thêm cho bố tôi mỗi người một con, và sau đó 2 năm, hai bà mẹ tôi lại cho bố tôi 2 đứa con nữa. Rồi 4, 5 năm sau hai bà mẹ tôi lại tiếp tục cho bố tôi thêm hai người con nữa.

Thầy tôi có một lò làm bánh mì ngay trước thành cổ của TLST. Tôi không biết lò bánh mì này được xây khi nào. Thành Cổ Sơn Tây có hình vuông và được bao bọc chung quanh bởi một cái hào tương đối khá rộng mỗi cạnh của thành cổ dài khoảng nửa cây số. Những phố xá chung quanh thành cổ, ngoài cái tên riêng đặt theo tên những nhân vật trong lịch sử, còn có những tên khác và đa số người dân ở địa phương thường gọi bằng những tên thân thương này, như phố cửa Tiền, phố cửa Hậu, phố cửa Tả và phố cửa Hữu. Bốn phố chung quanh thành cổ này được đặt tên theo hướng ở trong thành nhìn ra ngoài. Như phố phía Nam của Thành Cổ thì được gọi là Cửa Tiền, vì ngày đó cung đình của vua Nguyễn ở Huế, nên mỗi khi nhận chiếu chỉ của nhà vua họ thường quay mặt về phía Nam để nhận. Lò làm bánh mì của thầy tôi ở ngay trên Đường Phạm Hồng Thái, tức là phố cửa Tiền. Phố cửa tiền có hướng chênh chéch Tây-Bắc , Nam - (khoảng 10 giờ kim đồng hồ).

Lò bánh mì này cũng là nơi sinh sống của gia đình chúng tôi. Nhà chia làm 5 phần, cách nhau bởi những bức tường và nối với nhau bằng những cái cửa thẳng một mạch từ ngoài vào trong và nằm

về phía bên trái nếu nhìn từ ngoài vào. Phần ngoài cùng hầu như là chỗ chứa những bao bột mì, phần sau đó là chỗ sinh hoạt hàng ngày của gia đình, rồi tới chỗ nấu ăn, vào sâu thêm nữa là chỗ làm bánh mì và trong cùng là lò nướng. Lò nướng bánh mì ngày đó cũng rất to và nướng bằng củi. Nhà tôi nhìn thẳng ra thành cổ Sơn Tây. Từ trong nhà nhìn ra là đường Phạm Hồng Thái, qua bên kia đường là một bãi đất rất rộng, rồi tới một con đường nhỏ, tiếp theo là cái hào của thành cổ.

Để làm được một ổ bánh mì hời đó cũng rất mất công, nhất là phần sửa soạn lò để nướng bánh. Lấy than cũ ra, chất củi vào, lau sàn lò và đốt củi từ tối hôm trước, để củi cháy âm ỉ như vậy cho tới sáng hôm sau thì lò đã đủ nóng để nướng bánh. Bột mì phải trộn với men bánh mì, nước, cho vừa đủ cũng từ tối hôm trước rồi ủ. Hồi đó tôi đâu có biết gọi là men bánh mì, thấy người lớn nói là trộn với lơ via (levure de boulanger) thì cũng đọc theo là lơ via. Mỗi buổi sáng, bột mì đã được ủ phải vê dài dài thành bánh, kéo vải để ngăn bánh này và bánh khác không dính vào nhau, sau đó là cho vào lò. Lò nướng bằng củi to hơn lò nướng điện. Bè ngang của lò cũng phải cỡ 6 mét, bè sâu 4 mét, khoảng trống trong lò cao chừng 5 , 6 tấc, có một cái cửa ở giữa. Cửa lò cách mặt đất khoảng 1 mét vừa đủ cho tầm người đứng lấy bánh ra.

Khi bắt đầu nướng bánh, người thợ dùng một cái mai bằng gỗ, bánh được xếp theo chiều dài của cái mai, sau đó cắt mặt bánh và cho vào lò, nghiêng cái mai để bánh lọt trên sàn lò rồi rút cái mai ra và cứ thế cho mẻ khác vào. Khi bánh chín, họ lại dùng chính cái mai đó để lấy bánh ra. Khi lấy ra khó hơn lúc xếp bánh vào lò. Thường thường, người thợ cho bánh vào lò mặt lúc nào cũng phải nhìn vào đóm lửa đỏ rực trong lò và thời đó họ không có kính bảo vệ mắt. Mỗi buổi sáng khi còn trên giường, ngửi thấy mùi thơm phức của bánh mì mới ra lò tôi thường chạy vào trong đó để lựa cho mình một cái đẹp nhất để ăn. Mặc dù thầy, u tôi đã bảo tôi lựa cái xấu mà ăn, còn cái đẹp để bán. Nhưng tôi vẫn thích ăn cái bánh mì trông hoàn hảo và đẹp mắt. Bánh mì lấy từ trong lò ra được xếp trên một cái kệ. Những

người bán bánh mì thường mang theo những cái túi vải trắng, những túi này là những túi đựng bột mì ngày trước. U tôi đếm bánh mì bỏ vào túi giao cho họ, họ đi bán và cứ chiêu chiêu mang tiền lại trả cho u tôi. Những người bán bánh mì thường đem về để bán ở trong tiệm của họ và cũng có người lấy để bán rong. Số bánh còn lại thì u tôi lại đem ra chợ bán. U tôi có một sạp bán bánh ở chợ Nghệ. Chợ Nghệ cách nhà tôi không xa, chừng vài trăm mét cũng ở gần bờ濠 thành cổ nhưng ở phố Cửa Tà. Tôi còn nhớ những người bán bánh mì rong thường đeo túi bánh mì sau lưng và đi bán dọc theo các phố phường quanh thành phố, vừa đi vừa rao:

“Bánh mì nóng hổi, vừa thổi vừa ăn đây”.

Đứng từ ngoài đường nhìn vào lò bánh mì trên tường phía bên trái có chữ “Boulanger” và bên phải có hàng chữ “Làm Bánh Mì” và ở giữa là cửa ra vào, ở trên cao có số 36 và ở dưới một chút có chữ “An Sơn”. An và Sơn là tên của hai người con lớn nhất của thầy tôi. Hồi đó có biết một chữ Pháp nào đâu, thấy người lớn đọc là “Bu lăng giê” “Làm Bánh Mì” thì cũng đọc theo. Còn bên cạnh nhà về phía trái là một bãi đất để chứa cùi đốt lò.

Bãi đất rộng và trống trước cửa nhà bên kia đường là nơi chợ phiên họp một tháng sáu lần vào các ngày mùng 3, 8, 13, 18, 23 và 28 âm lịch. Trong buổi chợ phiên người ta bán đủ thứ như trâu bò, gà vịt và trái cây v.v. Trái cây thật là nhiều, người ta mang từ những vườn chung quanh thành phố tới đây để bán. Tôi nhớ trong sân ngay trước cửa nhà tôi họ thường để hàng chục phà nhì (cần sέ) trái vải và nhiều thứ trái cây khác nữa. Tôi nhớ trái vải nhiều hơn vì lúc còn bé, tôi thích ăn trái vải hơn những trái cây khác.

Còn về làng Yên Thôn, nơi tôi sinh ra, tôi chỉ còn nhớ vào mỗi dịp Tết, bốn anh chị em chúng tôi được thầy tôi mang ra bến xe, hồi đó tôi gọi là xe ông Âm, ông Thực (chắc là tên của chủ xe hay tài xế) gửi chúng tôi về quê trước. Bến xe cũng ngay trước mặt nhà chúng tôi, ở phía bên trái nếu nhìn từ trong nhà nhìn ra. Trong bốn người, tôi có một anh, một chị hơn tôi hai tuổi, và một anh nữa

bằng tuổi tôi. Mặc dù là ba trai và một gái nhưng thầy tôi cho mặc quần áo giống hệt nhau, quần tây, áo sơ mi, mũ nồi (nón Beret). Chỉ có con gái thì tóc dài hơn. 4 cái quần tây, 4 cái áo sơ mi, 4 cái mũ nồi đều cùng màu và cả 4 đôi giày bốt cũng giống nhau. Khi đó anh chị em tôi tuổi sàn sàn nhau 7, 7, 5 và 5. Ngày đó, xe khách chờ chúng tôi về quê là xe đi tới Phủ Quốc Oai, mỗi ngày có 4 chuyến đi, 4 chuyến về. Khi tới Huyện Thạch Thất xe dừng một lúc cho khách hàng xuống và một số khách mới lên, rồi xe tiếp tục chạy tới Quốc Oai. Tôi không còn nhớ khi xuống xe ở Cầu Liêu, Huyện Thạch Thất thì ai là người dẫn chúng tôi về nhà hay là 4 anh chị em chúng tôi đi một mình. Trong làng tôi họ thường gọi 4 anh chị em tôi là “Minh, Nguyệt, Chính, Đàm”. Ngày đó trong làng mấy người cỡ tuổi chúng tôi biết về chúng tôi khá nhiều. Cách đây khoảng vài năm (2010), chị tôi về làng Yên Thôn thăm làng cũ, dọc đường gần nhà cũ của thầy tôi, gặp một bà cụ già khoảng 70 tuổi, khi nói truyện chị tôi cho biết đây là con của ông H., bà cụ nói ngay “Minh, Nguyệt, Chính, Đàm”. Chị tôi trả lời chỉ có Nguyệt thôi, còn ba người kia không có ở đây, những người cùng đi là ông xã và các cô em gái. Mặc dù là bà cụ cỡ 70 tuổi nhưng cũng là trạc tuổi chúng tôi vì vào năm đó chị tôi cũng đã 65 tuổi.

Trong những dịp Tết về thăm quê như vậy tôi đã được đi thăm các gia đình bên nội, hàng xóm, và được ăn thịt đồng, giò thủ, bánh chưng, bánh mật. Bánh chưng ở làng tôi được gói tròn tròn và dài dài như cách gói những chiếc bánh tết ở miền Nam. Còn bánh mật cũng được gói như bánh tết, làm bằng bột nếp, mật và lạc (đậu phộng). Khi bóc ra có màu nâu nâu và trong. Ngày đó tôi thích ăn bánh mật hơn bánh chưng, vì tôi thích ngọt. Chúng tôi cũng ra chùa để cúng và được ăn những chiếc oán làm bằng gạo nếp, nhưng tôi cũng không còn nhớ chúng tôi đi với ai hay cũng lại chỉ có 4 anh chị em chúng tôi. Chúng tôi cũng được đi xem múa rối nước. Sơn Tây cũng khá nổi tiếng về múa rối nước. Tôi còn nhớ mỗi khi có con rối xắp sửa ra thì người tổ chức lại hô lên “Chú rối của ta đã ra kia đó à”. Tôi cũng được ra đình để xem

họ đánh vật, nghe tiếng trống tùng, tùng, tùng ... Tiếng trống như để thúc dục những người đô vật “cố lên, cố lên”. Tôi cũng đã được xem những buổi té lẽ “Cúc cung bái” ở đình . . .

Khi còn rất nhỏ những chữ a,b,c đầu tiên do thầy tôi dạy. Tôi chắc khoảng 4 hay 5 tuổi tôi bắt đầu đi học mẫu giáo tại nhà cụ giáo Bình. Cụ dạy vài lớp nhỏ ở nhà. Mỗi buổi sáng anh chị em tôi đi học. Ra khỏi nhà đi phía bên phải tới ngã ba gặp nhà thuốc Bắc Phúc Sinh Đường rồi hơi hướng phải một chút. Đi thêm một quãng nữa, sang bên kia đường là tới nhà cụ giáo Bình. Trong vườn nhà cụ trồng rất nhiều hoa, và trồng trong cả những chậu bằng sành. Hoa đủ mọi màu sắc rực rỡ và rất tươi. Lớp học có chừng 10 người, vừa lớp lớn vừa lớp nhỏ. Học sinh ngồi trên một cái ghế dài cao chừng 3 tấc, và bàn cao chừng 6 tấc. Tất cả bằng gỗ mộc. Nhưng những học trò nhỏ mài miết đũng quần lên ghế nên dần dần cũng trở thành nhẵn nhụi. Lớp học ngay cạnh vườn hoa nên vừa học vừa ngửi thấy mùi hoa thơm phảng phất sao thấy thật dễ thương. Sau đó một thời gian TLST xây một trường tư tiểu học mới, Trường Tiểu Học Đức Phong. Anh chị em tôi là những người đầu tiên học trường mới này. Lúc đó tôi vào khoảng 6 tuổi và học lớp năm. Trường Đức Phong ở phía ngoài vòng hào thành cổ, ở trên phố cửa Hữu. Mỗi buổi sáng 4 anh chị em tôi cùng nhau đi học. Anh lớn hơn thì học trường Nam tiểu học, ba người còn lại thì học tại trường Đức Phong. Khi bước ra khỏi nhà đi về phía trái, đi qua sân vận động, tới cuối đường thì rẽ phải rồi đi thêm một lát nữa là tới trường tiểu học của tôi. Hình như lúc đó mỗi ngày chỉ học một buổi, vì tôi còn nhớ cứ chiều chiều tôi lại đi ra chợ Nghệ nơi mẹ tôi bán bánh mì để được mẹ tôi mua cho bánh đa kê. Bánh đa nướng lên, rồi họ trét một lớp kê, rồi giải đường cát trắng lên trên cùng. Theo tôi, ăn kê giống như ăn đậu xanh.

Còn về Hà Nội thì tôi biết gì về Hà Nội. Hà Nội ở về phía Đông - Đông Nam của TXST, cách TXST vào khoảng 40 km. Cứ khoảng 2 hoặc 3 tuần thầy tôi lại đi Hà Nội một lần, để mua bột mì và lơ via. Thỉnh thoảng thầy tôi cũng cho tôi

đi theo. Những nơi ở Hà Nội như Hồ Hoàn Kiếm, Đền Ngọc Sơn, Cầu Thê Húc, chợ Đồng Xuân ... tôi cũng đã từng thăm viếng. Tôi đã có nhiều dịp thả bộ đi dọc theo những bờ hồ. Còn có một chỗ tôi cũng đã đi xem, một phố tôi nghĩ khá văn minh lúc bấy giờ, khi đó tôi không biết nó ở khoảng nào trong Hà Nội và ngay cả bây giờ tôi cũng không biết nó ở đâu. Khi đó tôi nghe gọi là phố Bô Đề ??. Một cái lạ mà tôi không thấy ở TXST đó là những chiếc xe điện chạy trong thành phố Hà Nội. Đôi khi ngủ đêm tại Hà Nội, buổi sáng khi còn đang thiу thiu ngủ, tôi còn nghe thấy những tiếng còi tàu xe lửa. Đó cũng là những ký niệm đáng nhớ của tôi với Hà Nội. Mỗi lần mua bột thầy tôi mua thật nhiều và chất thật cao và gần như chiếm cả phòng ngoài cùng. Chúng tôi thường trèo lên những bao bột đó để chơi. Còn một kỷ niệm nữa tôi còn nhớ khi còn sống ở TXST là cứ chiều lúc gần tối, đứng trước cửa nhà nhìn sang bên trái, tôi còn thấy những đám cháy rừng xa xa ở vùng Núi Ba Vì. Chắc đây là những cuộc đốt rừng làm rẫy của dân địa phương.

Những bài hát mà tôi thích lúc bấy giờ là Dư Âm, Con Thuyền Đưa Xác, Hoa Thủy Tiên, Trăng Mờ Bên Suối v.v. Tôi biết những bài hát này là vì ngày đó chị cả của tôi và các bạn bè của chị hay hát nên tôi cũng thuộc lòng những bài hát này.

Những ngày sống ở TXST, tôi còn nhớ, những buổi tối mùa thu, trời hơi lạnh, đắp chăn nằm trên giường, nghe tiếng rao của ông già Tầu:

“Phá xa lạc rang ..”

Thì thế nào chúng tôi cũng chạy ra mua một hai gói đậu phộng. Lạc được rang với húng lùi, đựng trong một miếng giấy báo quấn theo hình nón, có mùi thơm phức và âm ấm nóng, ăn vào mới ngon làm sao trong những buổi tối hơi lạnh.

Cuộc sống cứ thế cứ êm ái trôi đi như những đám mây lơ lửng bay trên bầu trời xanh và chung quanh mọi cảnh vật cũng im lìm vắng lặng. Chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng máy bay bà già chầm chậm bay qua rồi lại trả lại cái êm đềm cho thành phố (máy bay trinh sát Morane 500 của Pháp) hay

là có những buổi tối cuối tuần vài anh Tây say đi nghiêng ngả trong phố nói năng ồn ào, hàng xóm đứng ra coi làm phá tan bầu tĩnh mịch của phố xá trong chốc lát.

Rồi tiếp đó có một nhóm người đến tổ chức các thiếu nhi, chiêu nào cũng tụ tập trong 1 căn nhà mái bằng, hai tầng mà chủ nhà đã bỏ đi vào Nam (?) để ca hát, nhảy múa. Hai tay cầm hình Hồ Chí Minh vừa nhảy vừa hát. Trên áo dù nam hay nữ đều đeo một huy hiệu có hình Hồ Chí Minh ở giữa, Mao Trạch Đông một bên và Malenkov một bên. Thiếu nhi phải tập hát nhiều bài ca mới, kể chuyện những nơi xa nghe rất lạ như Liên Xô, Đông Âu Phải công nhận sự tuyên truyền của Cộng Sản rất ghê gớm và mạnh mẽ, dù chúng ta ai cũng biết rằng đó chỉ là những lời tuyên truyền điêu ngoa dối trá. Chúng bắt đầu tuyên truyền cho những đứa trẻ nhỏ 6, 7 tuổi như tôi lúc đó chẳng hạn. Chỉ sống với họ trong vài tháng mà những bài hát họ tập cho tôi, tôi còn thuộc đến ngày nay. Tôi còn thuộc rất nhiều nữa nhưng ở đây không phải là chỗ để tôi viết lại những bài đó. Khoảng tháng 8/ 1954 tôi đi học trở lại và tôi học lớp tư cũng tại trường tiểu học Đức Phong. Một phần bài học thuộc lòng mà tôi phải học hồi đó dưới mái trường tiểu học của chế độ mới gồm cả những bài bêu xấu lãnh tụ miền Nam Việt Nam.

Đó là nghệ thuật trồng người trăm năm của ông Hồ Chí Minh và đảng Lao Động Việt Nam, gọi một người lớn tuổi bằng thằng, và ghi chép trong sách vở để bắt học sinh học thuộc. Khi đó, thực ra tôi không hiểu họ nói gì trong đó. Khi lớn hơn thì tôi hiểu rằng những câu này nói đến cuộc trở về nước của Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngày 25/6/1954.

Trong thời gian này tôi cũng thuộc vài câu thơ chống lại chủ nghĩa Cộng Sản mà Ông Hồ và đảng Lao Động đang cố tình ép đặt vào xã hội Việt Nam:

“Vô tổ quốc biên thùy san phẳng
Không còn ghi giới hạn quốc gia
Nước là ở Mạc Tư Khoa...”

Hoặc sự chia rẽ dân tộc, gây căm thù giai cấp cũng do ông Hồ và đảng Lao Động khởi xướng:

“Nhân đạo gì chúng bay loài cường khâu
Trò giai cấp đem đặt bài tranh đấu
Cố tình gieo tang tóc oán than
Xô dân ta vào vực thẳm trần gian
Vì giặc Cộng khiến bao người gục ngã
Ôi Bến Hải mi phân chi đôi ngả
Để ngàn năm ôm mối hận tương tàn”

Tôi còn nhớ Tết trung thu năm Giáp Ngọ (11 tháng 9, 1954) gia đình tôi vẫn còn ở Sơn Tây. Mấy thanh niên lớn tuổi hơn chúng tôi rủ các thiếu nhi cộ đèn vòng quanh TLST, đi thật xa thật lâu mặc dù chỉ có đèn lèo vài đèn ngôi sao. Nhưng vì là đêm rằm, trăng sáng nên trong lòng của một đứa bé 6, 7 tuổi vẫn thấy vui vui. Tất cả đi bằng chân đất vừa đi vừa hát. Trong tối đó, khi đi như vậy có một em bé cỡ tuổi tôi dẫm phải mảnh thủy tinh máu ra khá nhiều. Mấy người lớn hơn dùng vải quần vào chân cho em đó cho máu không chảy tiếp. Rồi cứ thế chúng tôi lại đi tiếp vừa đi vừa hát và hô những khẩu hiệu gì đó mà tôi không còn nhớ.

Trước khi những người này vào TXST (3/8/1954), thầy tôi còn mua một miếng đất, vẽ kiểu nhà mái bằng định xây nên thầy tôi không có ý định đi vào Nam vì không muốn bỏ đất đai, ruộng vườn nhà cửa, mồ mả tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Nhưng có một số bạn bè của thầy tôi khuyên thầy tôi nên đi vì họ đã có kinh nghiệm ở những vùng mà Cộng Sản đã tiếp thu. Họ nói ở nhà quê nhà tôi có ruộng mà không tự cày cấy, thuê người cày cấy thì sẽ bị gán vào tội địa chủ cường hào ác bá. Chính những người cày cấy cho nhà tôi sẽ tố khốn thầy mẹ tôi.Thêm vào đó, họ sẽ khích động để những người làm trong lò bánh mì của thầy tôi cũng sẽ tố khốn thầy tôi là bóc lột sức lao động của họ và ngay cả những người bán bánh mì cũng có thể tố thầy tôi là bán đắt bán rẻ, ăn lời cắt cổ . v.v.Thêm vào nữa thầy tôi hai vợ, họ sẽ súi bậy để chính các con bà này hay các con bà kia tố thầy

tôi là phân biệt đối xử bên trọng bên khinh với họ. Khi này lò bánh mì của thầy tôi cũng đã phải đóng cửa vì không có bột mì để làm. Đôi khi thầy tôi cũng đã thử làm bằng bột gạo, nhưng bánh làm bằng bột gạo rất cứng, lại nữa cũng chẳng có “lo via” để pha với bột gạo.

Sau khi nghe những lời khuyên và đi thăm dò tình hình đầy đủ thầy tôi quyết định phải ra đi. Để sửa soạn cho cuộc ra đi, Thầy mẹ tôi bỏ lại hết tất cả ruộng vườn, nhà cửa, đất đai, chỉ mang theo một, hai bộ quần áo để thay đổi. Nhưng hai người vê tròn những tiền \$100 Đông Dương và cạp vào chung quanh các nón lá cho đàn bà, con gái lớn và cạp vào chung quanh mũ cho đàn ông con trai và dặn dò mỗi người phải cẩn thận giữ lấy cái nón hoặc cái mũ.

Sau khi sửa soạn xong, gia đình tôi bắt đầu di trốn. Trong cuộc chạy trốn cộng sản năm 1954 này, gia đình thầy tôi chia làm 3 nhóm để đi trong những thời kỳ khác nhau.

Nhóm một đi đầu tiên gồm mẹ già tôi, và một cô con gái út, khoảng 3 tuổi, lúc đó đang ở làng Yên Thôn được thầy tôi nhấn lên TXST để thăm gia đình. Nhưng khi mẹ già tôi vừa xuống bến xe đò ở TXST, thầy tôi đưa cho mẹ già tôi một số đồ dùng cần thiết và giao thêm một cô con gái và một con trai của mẹ già tôi bảo mẹ già tôi đi tới thăm gia đình ngoại ở phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Phủ Xuân Trường, chính là quê quán của mẹ già tôi và cũng là quê quán của u tôi. Như vậy nhóm một có 4 người, gồm 1 bà già và 3 con nhỏ tuổi 3, 7 và 9.

Nhóm thứ hai gồm thầy tôi và tôi, đi sau chuyến của mẹ già tôi chừng 1 hay 2 tuần lễ gi đó tôi không nhớ, cũng dùng xe đò để tới Nam Định, nhưng thầy tôi có mang theo 1 xe đạp để làm phương tiện di chuyển. Tôi còn nhớ, tối hôm đó khi tới Hà Nội thầy tôi chờ tôi trên chiếc xe đạp đi vòng quanh thành phố để xem tình hình rồi thuê nhà trọ ở Hà Nội ngủ một tối tới sáng hôm sau mới lấy xe đò đi Nam Định. Vậy là nhóm thứ hai gồm có 2 người một ông già và một bé trai 7 tuổi.

Khi tới Xuân Trường, Nam Định tất cả chúng tôi sống trong nhà ông ngoại tôi. Ông sinh ra u tôi, còn bà ngoại tôi đã mất. Còn Ông và bà ngoại sinh ra mẹ già tôi cũng đã khuất núi từ lâu rồi.

Nhóm thứ ba gồm có u tôi, 1 chị lớn con của mẹ già tôi lúc đó đã 21 tuổi, 1 anh trai, 1 em gái con của u tôi, cũng đi từ TXST tới Xuân Trường, Nam Định. Vậy là trong nhóm này gồm 2 người lớn và hai con nít tuổi 2 và 9. Tôi cũng không biết hoặc không nhớ chuyến đi của mẹ tôi cách chuyến đi của tôi bao lâu nhưng lúc đó tôi thấy lâu, lâu lắm. Vì tôi còn nhớ cứ chiều chiều tôi đứng tựa cửa nhà ông ngoại tôi mắt nhìn ra con đường làng dẫn đến nhà ông ngoại tôi để ngóng chờ u tôi tới và đây cũng là lần đầu tiên tôi xa u tôi lâu như thế.

Rồi một hôm, tôi được ai đó cho biết, tôi không thầy tôi hay các cậu, là mẹ tôi sắp tới. Hai cậu em của mẹ tôi cho trâu xuống ao ngay trước nhà để lùa cá, 2 cậu bắt được vài con cá thật to, đắp đất ve bờ để cho cá vào trong đó chờ khi mẹ tôi tới thì ra bắt vào làm thịt. Chiều hôm đó đang đứng dựa cửa chờ thì mẹ tôi tới thật. Tôi thật vui mừng. Tôi cũng còn nhớ sau khi u tôi tới trò truyện mừng rỡ nhau xong, một lúc sau các cậu trở lại cái ao, chỗ nhốt những con cá lớn tính bắt để làm thịt, thì các con cá đó đã trốn thoát đi đâu từ lâu rồi.

Mặc dù sống trong nhà ông ngoại tôi không lâu lắm, chắc chừng một, hai tháng, nhưng hai tháng này tôi cũng có rất nhiều kỷ niệm. Trong nhà ông ngoại tôi thường thì chỉ có 4 người sống, ông ngoại tôi, 2 cậu mợ lớn và một cậu em, nay thêm 10 người nữa nên đâu có giường đâu mà ngủ. Thế là các cậu phải làm ổ rom trong nhà cho chúng tôi ngủ. Ngủ ổ rom lúc đó rất âm沉. Tôi cũng cảm thấy thú vị lắm vì đây là lần đầu tiên tôi được ngủ trong ổ rom. Trong thời gian này tôi được cậu út dẫn đi chăn trâu, lúc đó cậu út khoảng 13 tuổi. Đây là lần đầu tiên tôi được ngồi trên mình trâu, cưỡi trâu đi trên con đường làng vắng vẻ, bên cạnh lũy tre. Lúc đó tôi chưa biết bài hát “Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ”, nhưng tôi cũng cảm thấy sướng thật, gió thoảng vi vu nhẹ nhẹ qua những lá tre hơi rung rinh

lay động, tất cả thật là yên ả, thật là êm đềm. Rồi một kỳ niêm khác nữa ở Nam Định, tôi chắc lúc đó là mùa nước lén, nên còn được các cậu dẫn đi bắt rươi. Các cậu dẫn tôi tới một đồng ruộng ngập nước vào khoảng đầu gối. Tôi thấy các cậu lấy một miếng vải thưa chui xuống nước để bắt rươi. Rươi ở đâu sao mà nhiều thế. Những con rươi bắt được cho vào một cái chậu lớn mang về nhà, sau khi rửa sạch, cho gia vị rồi đem đi nướng. Tôi chỉ biết là nướng nhưng không còn nhớ làm sao để nướng được. Đó cũng là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy con rươi và được ăn con rươi. Tôi thấy mùi vị của chả rươi cũng hơi giống chả trứng.

Sau những ngày ông cháu, bố con, chị em, cậu mợ đoàn tụ vui vẻ, chúng tôi sửa soạn cho cuộc ly biệt vào Nam. Để đi được vào Nam chúng tôi phải vào được Hải Phòng trước. Trong thời gian này chỉ còn Hải Phòng là chưa bị tiếp thu. Khi đi vào Nam như vậy, hình như mẹ tôi già không cho ngay cả bô ruột của mình biết vì sợ ông ngoại buồn, vì mẹ tôi là cô con gái rượu duy nhất của ông ngoại tôi trong một gia đình có 1 gái, 3 trai. Trong lúc đó chỉ còn 2 em trai của mẹ tôi 13 tuổi và 19 tuổi ở nhà với ông ngoại tôi. Hình như chỉ có cậu 19 tuổi biết sự đi vào miền Nam của gia đình chúng tôi. Còn cậu lớn lúc đó 25 tuổi thì vẫn ở Hà Nội chưa về. Tôi còn nhớ một người hàng xóm của nhà cậu tôi đã giúp thầy tôi sửa chữa lại giấy thông hành.

Từ Nam Định tới Hải Phòng tất cả mọi người đi một lượt, nhưng khi còn ở trong làng thì không đi cùng một lúc mà chia làm nhiều toán nhỏ, chỉ khi ra khỏi làng rồi mới đi chung. Lúc đó tôi còn quá nhỏ để biết được những địa danh mà chúng tôi đã đi qua, tôi chỉ nhớ rằng có khi đi bộ có khi đi đò (thuyền, ghe) có khi đi xe đò. Tôi chỉ biết những địa danh chính như Xuân Trường, Thái Bình, Hải Dương, ga Phạm Xá. Đi từ Nam Định tới Thái Bình, rồi từ Thái Bình đi Hải Dương. Khi đó thì cả Nam Định, Thái Bình và Hải Dương đã bị tiếp thu (Nam Định 01-07-1954) (Thái Bình 30-06-1954), (Hải Dương 30-10-1954). Chặng đường khó khăn nhất là chặng từ ga Phạm Xá, Hải Dương tới Hải

Phòng, vì ở đây họ kiểm soát rất gắt chỉ có những người nào có giấy thông hành đi Hải Phòng mới được lên tàu. Thường thì những người này là cư dân của Hải Phòng hoặc những vùng lân cận có làm ăn, buôn bán với những vùng đã tiếp thu. Một số người có giấy cũng bị kiểm soát rất gắt. Thường thì các cán bộ bắt họ vào phòng kín để khám xét. Khi tới ga Phạm Xá, gia đình chúng tôi không có thông hành, thầy tôi không đứng cùng chỗ với chúng tôi vì nghĩ rằng chỉ toàn đàn bà con nít thì có lẽ dễ hơn có đàn ông con trai. Các mẹ tôi, anh chị em tôi cũng chen đại lên tàu nhưng họ kéo xuống cứ như thế vài lần. Cuối cùng tàu hỏa chạy, các mẹ chúng tôi bám nhau (không biết có lời xúi bẩy của thầy tôi không) là cứ đi nếu không biết đường thì cứ theo đường ray xe lửa mà đi. Những người canh giữ lúc đó thấy tàu hỏa đã chạy rồi, chắc những bà già và con nít này chẳng làm gì được nên họ cũng lơ là không canh chừng nữa. Thế là 4 anh chị em tôi cõi tuổi nhau đi trước, hai bà mẹ bé hai đứa con bé và chị gái lớn tôi lênh đênh theo sau cứ theo đường ray xe lửa mà đi. Cái gì thì cũng nhờ may rủi vào số trời. Đi được một lúc, thấy một bà già ở khá xa phía trước đang gánh đôi quang với 2 cái thúng, thế là cả gia đình tôi đi rảo bước nhanh hơn để bắt kịp bà già. Các mẹ tôi bắt chuyện thì được biết bà hiện sống trong vùng chưa tiếp thu và đi lại buôn bán trong vùng đã tiếp thu nên bà có giấy tờ thông hành để qua lại giữa 2 vùng. Khi đi qua một cây cầu có người kiểm soát, 4 anh chị em tôi cứ tinh bợ đi trước, còn bà già thì lấy giấy thông hành cho cán bộ coi, còn các mẹ tôi và chị lớn tôi cũng giả vờ móc túi lấy giấy thông hành, nhưng làm gì có giấy tờ gì đâu. Cái gì cũng có số trời, sau khi họ xem giấy thông hành của bà già xong thì họ hỏi bà già:

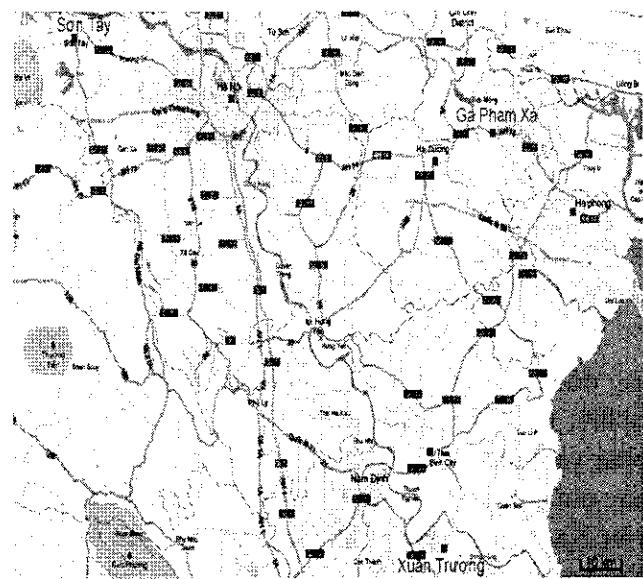
“Cùng gia đình hả?”

Bà cụ nhận là cùng gia đình nên họ phát tay cho tất cả đi. Đó là cái may thứ nhất, nếu không gặp bà cụ này làm sao gia đình tôi trốn thoát cán bộ canh gác tại cây cầu này, vì ở đây rất vắng chứ không phải như ở ga thật đông người để chúng tôi có thể chen lấn trà trộn vào đám đông được.

Sau khi thoát được trạm kiểm soát này rồi, chúng tôi lại tiếp tục cứ theo đường sắt mà đi. Được một lúc, thấy chiếc xe chở hàng nhỏ ở phía sau và cùng chạy về hướng Hải Phòng. Các bà mẹ tôi gọi xe hàng đó, sau khi nói chuyện với ông tài xế, ông băng lòng chờ chúng tôi để đuổi theo xe hỏa tới ga kế tiếp. Các mẹ tôi trả tiền cho ông tài xế, và tất cả chúng tôi cảm ơn bà già rồi leo lên xe chở hàng nhỏ. Trong khi đang còn trên xe hàng thì bác tài dặn các mẹ tôi một số điều gì đó. Ông tài xế này chắc cũng từng chờ những người như chúng tôi. Xe chạy chừng hòn nửa tiếng thì tới chỗ xe lửa đậu. May mắn thay, xe lửa vẫn còn đó chưa chạy. Ông chờ chúng tôi đến phần đuôi của các toa xe hỏa chứ không phải chỗ cửa ga. Khi xe vừa đậu, chúng tôi chào tạm biệt ân nhân và vì đã được các mẹ tôi dặn trước nên chúng tôi chạy ào ào tới các toa và leo lên các toa xe lửa mạnh ai nấy leo, mạnh ai nấy chạy. Chúng tôi cứ leo lên bất kỳ toa nào còn mở cửa, cả toa chứa những lồng gà vịt, cũng chẳng sao. Đó là cái may thứ nhì vì nếu không gặp chiếc xe chở hàng này thì mẹ con chúng tôi có thể đã lỡ chuyến xe lửa.

Tôi không biết trạm ga này tên gì, chỉ biết rằng đây là trạm cuối cùng còn có sự hiện diện của cán bộ cộng Sản. Khi chúng tôi chạy tới các toa xe lửa, họ túm người nào thì người đó kêu lên. Họ lại bỏ ra, chạy đi túm người khác, thì người đó lại kêu àm lên và cứ như thế. Trong khi đó, những người không bị túm lại cứ tiếp tục chạy tới các toa xe lửa và leo lên. Sau khi lên các toa xe lửa rồi mọi người đều nhìn về hướng sau xem có ai còn bị giữ lại, không thấy ai trong gia đình nhà tôi cả. May thay, tất cả mọi thành viên của gia đình chúng tôi đều trốn thoát lên được các toa xe lửa. Chỉ trong một chốc lát là xe lửa bắt đầu chuyển bánh. Tôi nghĩ chúng tôi thoát được là vì lúc chúng tôi vào, cách chúng tôi vào và con đường chúng tôi vào nhà ga quá bát ngát nên họ không phản ứng kịp và không đủ người để kiểm soát. Hồi đó tôi cứ thắc mắc tại sao họ không có tình chỉ bắt lại 1 trong những đứa con nít, hoặc một ai đó trong gia đình thì các bà mẹ của tôi chắc chắn sẽ chịu thua và bỏ

cuộc. Hồi đó tôi không nghĩ ra nhưng bây giờ thì tôi hiểu rồi, vì đây là trạm cuối cùng xe lửa ngừng và tại trạm kiểm soát này có sự hiện diện của Ủy Ban Đình Chiến nên họ không thể ngăn cấm bắt giữ người một cách quá lộ liễu.



Từ Sơn Tây tới Hà Nội, tới Xuân Trường, Nam Định.

Từ Xuân Trường tới Thái Bình, Hải Dương, rồi từ ga Phạm Xá tới Hải Phòng

Khi trốn chạy di cư vào Nam, tôi có cảm tưởng như các mẹ tôi rất già, nhưng ngồi tĩnh lại thì lúc đó u tôi mới chỉ 31, 32 tuổi và mẹ già tôi cỡ 43, 44 tuổi. Nghĩ lại cũng thấy rất là thương, các mẹ tôi tay bế con nhỏ 2, 3 tuổi cũng bị lôi lôi, kéo kéo cũng vội vội vàng vàng leo lên được các toa tàu. Tôi chỉ nhớ các anh chị em tôi khi đó không ai mang cái gì trong tay chỉ cần bảo vệ cái mũ, cái nón, còn ít hành lý mang theo có lẽ là chị lớn tôi cầm.

Trên toa xe tiến tới thành phố Hải Phòng chúng tôi bắt đầu gỡ những huy hiệu đeo trên ngực áo có hình Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh và Malenkop xuống và vứt những của quý đó xuống đường.

Tới ga Hải Phòng, chúng tôi được hướng dẫn tới nơi tạm trú ở đâu tôi cũng không rõ. Sau khi biết mình đã thoát các mẹ và anh chị em tôi lại đi bộ ra ga Hải Phòng để xem thầy tôi có thoát được

không. Chiều nào cũng vậy, ra thật sớm và về thật trễ. Khi không còn hành khách nào trong ga nữa thì mẹ con anh chị em mới dắt nhau lùi thui ra về. Sau ba ngày hai mẹ tôi thất vọng bàn với nhau nếu thầy tôi không thoát được thì chúng tôi lại kéo nhau về. May thay, ngày thứ tư lại một lần nữa đi đón thì gặp được thầy tôi từ trong ga bước ra. Cả nhà mừng rỡ. Thế là cả nhà tôi thoát. Thầy tôi cho biết phải ở lại ga để chờ xem toán mẹ con chúng tôi có đi thoát không. Thêm nữa, thầy tôi cũng không có giấy tờ đi Hải Phòng nên cũng phải tìm cách lẩn trốn lên tàu hỏa nén mắt thì giờ.

Ở Hải Phòng một thời gian, gia đình tôi không sống trong trại tiếp cư mà ở nhà một người quen của gia đình. Vì không mang một thứ gì theo nên lúc đó gia đình tôi lại phải đi mua một số vật dụng cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày. Tôi còn nhớ, vì không biết hay không để ý tới, gia đình tôi mua bát ăn cơm bằng nhôm, nên mỗi lần xới cơm nóng hay chan canh nóng thì bàn tay bé nhỏ của tôi không chịu nổi sức nóng của bát cơm. Tôi không còn nhớ tôi có phàn nàn việc này với thầy mẹ tôi không, hay cứ thế chịu đựng mà ăn. Thầy tôi đi ghi tên để được sắp xếp cho chuyến tàu chuyên chở vào Nam. Chúng tôi được chỉ định di chuyển vào Nam bằng tàu Pháp vào khoảng vài ngày trước tết Nguyên Đán.



Đây là cảnh trên tàu Pháp, Trên đường di cư vào Nam đầu năm 1954

(Hình lấy trên internet)

Trong khi di chuyển từ Bắc vào Nam, trên tàu

Pháp, mỗi gia đình chiếm một góc nào đó, giải cái chiếu ra và đây là phạm vi của mình, để gia đình sinh hoạt trong 3 đêm 4 ngày. Trong những ngày trên tàu Pháp, tất cả mọi người trong gia đình tôi đều bị say sóng trừ có thầy tôi và tôi nên cứ đi lại lại để mang thức ăn về cho người bị say. Thực ăn lúc đó là bánh bích quy và thịt bò hộp. Nhưng thực ra những người bị say sóng đều mệt mỏi, nôn mửa chẳng ai ăn uống được gì cả.

Khi gần tới Sài Gòn, tôi đoán là khoảng từ Vũng Tàu có những thuyền (ghe) nhỏ của người dân chèo theo tàu để bán những chai nước ngọt. Họ có những cây tre thật dài đầu có làm một cái giỏ như cây để hái trái trứng cá, nhưng cái giỏ đó to hon. Người bán cầm cây tre đưa lên cao, người mua ở trên tàu bỏ tiền vào giỏ, người bán hàng hạ giỏ xuống, lấy tiền và để chai nước ngọt vào cái giỏ đó và đưa lại cho khách hàng, và cứ như thế.

Khi xuống tàu ở bến cảng Sài Gòn, Phủ Tổng Ủy Di Cư cho mỗi đầu người 100\$ tiền Đông Dương. Khi tới bến Cảng Sài Gòn lần đầu tiên, điều ngạc nhiên nhất với tôi là thấy chiếc cyclo máy vì khi ở ngoài Bắc tôi chỉ thấy những xe cyclo đạp bằng chân mà thôi. Gia đình chúng tôi xuống Cảng Sài Gòn hai ngày trước tết Nguyên Đán, và được chở vào trại tạm cư. Trại này là kho chứa thóc gạo cũ, lúc bấy giờ là trại trâu, ở gần cầu Nhị Thiên Đường Chợ Lớn

Tại trại tạm cư này, nhà chỉ có mái chung quanh để trống, không có vách che. Sàn nhà toàn cát hay đất và chỉ có những miếng ván gỗ đóng tạm thời thành những cái sàn cao hơn mặt đất chừng 3 hay 4 tấc, rộng hơn cái giường một chút. Mỗi gia đình có 1 hay 2 chỗ như vậy tùy theo số người trong gia đình. Dân tạm trú ở đây được phát gạo, cá khô và nước mắm. Gia đình chúng tôi ăn tết Nguyên Đán đầu tiên ở miền Nam ngay trong trại tạm cư này. Đó là tết Ất Mùi 1955 (24 Tháng 1. 1955).

Ban đầu trại tạm cư rất đông, sau khoảng một hai tuần lễ thì những người đi với đoàn thể, hay tổ chức được đi định cư ở những nơi mà đoàn thể hay tổ chức của họ lựa chọn như vùng kinh đô

gọi là Bình Xuyên, gần trại tạm cư (sau được đổi thành Bình An), hoặc ở những vùng xa hơn mà tôi không biết. Sau đó chỉ còn lại lura thura chừng hai chục gia đình là những gia đình không đi với đoàn thể hay tổ chức nào như trường hợp gia đình tôi. Thầy tôi quyết định đi tìm mua một căn nhà. Ngày rời bỏ Sơn Tây ra đi, thầy tôi có mang theo một chiếc xe đạp, nhưng chiếc xe này đã được bỏ lại tại ga Phạm Xá, nên bấy giờ không còn phương tiện di chuyển, hơn nữa vì còn quá mới mẻ với thành phố Sài Gòn, nên thầy tôi chưa biết đường xá. Khi tìm mua nhà chỉ đi bộ tìm những căn nhà treo bảng bán quanh quẩn vùng gần trại tạm cư. Cuối cùng, gom góp tiền dẫu được mang đi và tiền Phủ Tổng Ủy Di Cư cho, thầy tôi mua 1 căn nhà, nghe nói cỡ 4 ngàn đồng ở ngay Bên Kinh Đôi (Canal Doublement), Xóm Củi. Địa chỉ lúc bấy giờ của nhà tôi là 72 Bên Kinh Đôi, Xóm Củi, Chợ Lớn, nhà bên bờ sông gần cầu Nhị Thiên Đường. Ngày nay, khi nhìn vào bản đồ, đường Bên Kinh Đôi chính là đường Nguyễn Duy. Khoảng 3/4 diện tích nhà trên mặt đất còn ¼ diện tích kia là phần nhà sàn nằm trên kinh Kinh Đôi.

Từ trại tạm cư (trại trầu) ngay cạnh cầu đi bộ tới chân cầu Nhị Thiên Đường, leo chừng 10 bậc thang là lên tới mặt cầu, đi sang bên kia sông, rồi lại đi xuống chừng 10 bậc thang và đi bộ theo phía bên phải một quãng rất ngắn nữa là tới nhà tôi. Sau khi di chuyển vào nhà mới, thầy tôi và các mẹ tôi, mở một tiệm tạp hóa nhỏ để kiếm tiền sinh sống lúc ban đầu. Cuộc sống gia đình tôi tạm thời ổn định, tôi và các anh chị em tôi bắt đầu đi học trở lại. Lúc đó tôi học lớp tư tại trường tiểu học Xóm Củi. Trường tiểu học Xóm Củi cũng rất gần nhà. Hàng ngày anh chị em tôi cùng đi học với nhau. Trong căn nhà này, kỷ niệm mà tôi nhớ nhất là đứng sau nhà nhìn ra sông thấy những chiếc ghe chèo bằng sức người, hay những chiếc ghe máy xinh xịch chạy qua chạy lại, chở đầy hàng hóa hay trái cây trông cũng thật thơ mộng. Rồi những buổi sáng còn đang ngái ngủ nằm trên giường nghe những tiếng ghe máy chạy qua lại dưới sông, ôi thật là êm đềm làm sao.

Thế rồi có được yên thân đâu, ít lâu sau thì cuộc giao tranh giữa Bình Xuyên và quân đội chính phủ của Tổng Thống Diệm xảy ra cuối tháng tư 1955. Gia đình chúng tôi chẳng biết chạy đâu để tránh đạn, thế là lại chạy ngược qua cầu Nhị Thiên Đường, về phía nam của Kinh Đôi để tìm một chỗ trú ẩn ở một quãng đồng trống để tránh cuộc giao tranh. Lúc đầu không ai biết mình đang ở đâu, đang làm gì, một hồi sau mới biết là gia đình đã chạy ngược đường rồi, đang chạy về phía Bình Xuyên. Lỡ rồi, biết làm sao bây giờ. May mắn là cuộc giao tranh này không kéo dài lâu, chỉ chừng vài ngày là chấm dứt. Gia đình tôi lại trở về căn nhà cũ ở Bên Kinh Đôi, căn nhà cũng bị hư hại vì chiến cuộc. Gia đình chúng tôi ở tạm trong căn nhà này thêm một thời gian ngắn nữa. Rồi tình cờ thầy tôi gặp người quen cùng làng. Họ rủ thầy tôi di chuyển về Phú Thọ. Tôi không nhớ gia đình chúng tôi di chuyển về Phú Thọ khi nào nhưng tôi chỉ biết rằng tôi có một người em đẻ roi khoảng 5 giờ sáng ngày 21 tháng 5 năm 1955 trên đường Lê Đại Hành cạnh trường đua Phú Thọ, trên xe cyclo chở mẹ tôi từ nhà tới bảo sanh viện Từ Dũ. Chính mẹ già tôi đã cắt rốn cho em tôi. Thế là từ đó gia đình tôi sinh sống trong vùng Phú Thọ cho tới ngày rời bỏ thành phố Sài Gòn thân thương và đất nước Việt Nam thân yêu.

Nguyễn Công Đàm

28/03/2013

CÔNG NGHỆ CAO

Chủ tịch hội đồng quản trị gọi giám đốc phát triển dự án lên khiếu trách về sự chậm trễ.

- Anh cần bao nhiêu người tôi cũng cấp đủ cho anh nhưng phải hoàn thành phần mềm này trong vòng một tháng.

Giám đốc dự án cự lại:

- Tôi sẽ giao cho ông 9 phụ nữ. Đó ông làm cho họ đẻ ra một đứa con trong vòng một tháng.

Kỹ thuật OSB:

Oriented Strand Board

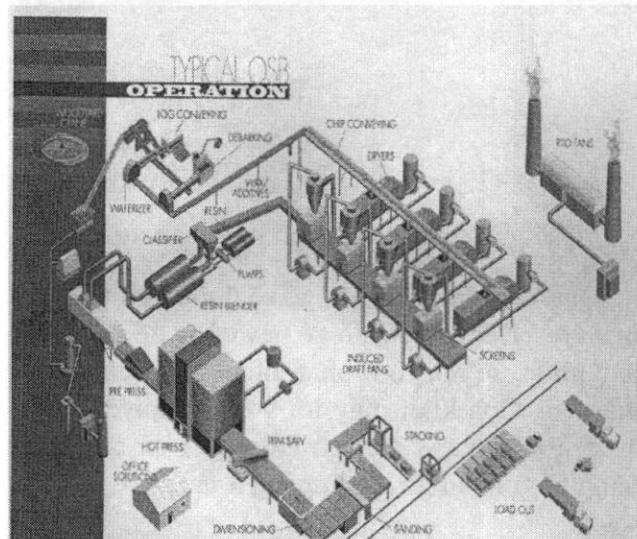
Nguyễn minh Nhựt
Montréal, Canada.

Lời Toà Soan : Mời bạn đọc đi sâu vào hoạt động của một KSCN nhiều kinh nghiệm về kỹ nghệ gỗ, đã thành công trong một ngành sản xuất dùng nguyên liệu thật sơ đẳng mà tạo ra sản phẩm có phẩm chất cao, là điều đặc biệt quan trọng ở cái kỹ nguyên mồi sinh mà ta đang sống, đó là phải thoả mãn những nhu cầu ngày càng phức tạp và đa dạng của đời sống tân tiến, mà không tàn phá môi sinh quá đáng, dù là thảo mộc hay mọi tài nguyên thiên nhiên khác. Độc giả có dịp thăm viếng hành trình nghề nghiệp của một bạn đồng song qua những thách đố và những thành tựu.

OSB là chữ tắt của Oriented Strand Board, một loại vật liệu xây cất có sức chịu đựng cơ học gần bằng với sức chịu đựng cơ học của ván ép (Plywood) nhưng có ưu điểm hơn ván ép trong tiến trình sản-xuất. Để sản xuất ra ván ép, người ta cần phải lựa cây gỗ nguyên dài, thẳng và có đường kính tương đối đồng nhất để có những tấm ván mỏng, đẹp, hầu khi ép ra ván ép được đẹp và đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật tân tiến. Ngược lại, trong tiến trình sản xuất ván OSB, việc chọn lựa gỗ nguyên không quá khắt khe, gỗ loại nào cũng được, dài ngắn gì cũng được.

Ván OSB được cấu tạo bằng nhiều lớp gồm các dăm bào mỏng có kích thước khoảng 8 inch x 1.5 inch x 1/16 inch. Tùy theo bề dày của ván OSB, dăm bào sẽ kết thành nhiều lớp, được ép sát vào nhau qua máy ép nhiệt (Hot Press), tương tự như cấu tạo của ván ép.

Bài viết này có giới hạn nên chỉ trình bày khái quát một nhà máy OSB đơn giản. Độc giả nào muốn biết thêm chi tiết kỹ thuật và cách tính toán để thiết lập một nhà máy OSB, người viết sẽ vui lòng cung cấp.

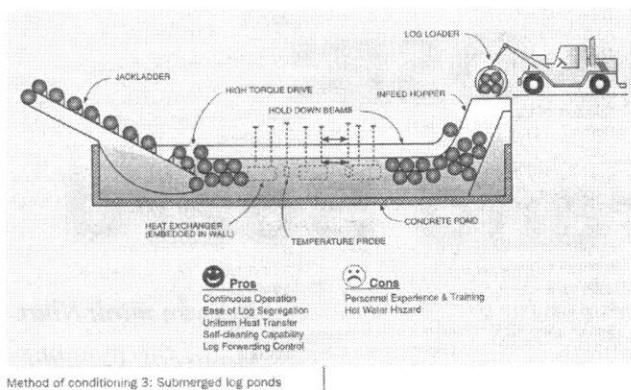


Sơ đồ một nhà máy OSB đơn giản

Sau đây là tóm lược các giai đoạn trong tiến trình sản xuất ván OSB.

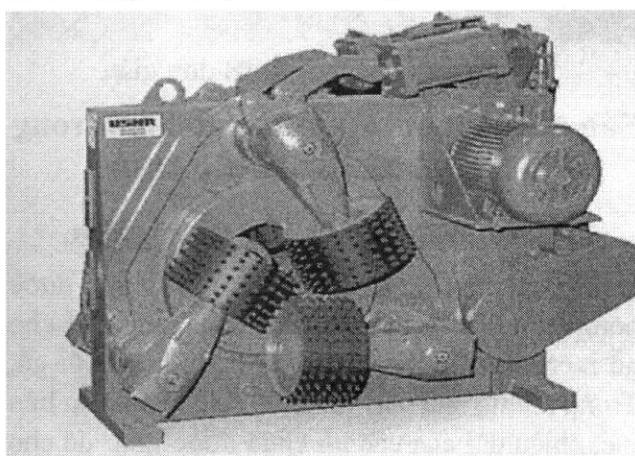
A- Giai đoạn chuẩn bị gỗ nguyên.

Gỗ nguyên được ngâm trong hồ chứa nước nóng (Hot Pond) một thời gian cần thiết đủ để cho gỗ mềm và làm tan các tuyết đóng trong lõi gỗ. Trong những nhà máy tân tiến, để bảo đảm sự liên tục, chiều dài của các hồ chứa được tính để cho thời gian gỗ di chuyển liên tục từ đầu hồ cho đến cuối hồ, đủ để cho gỗ mềm và tan các tuyết đóng trong lõi gỗ. Gỗ sau đó sẽ được đưa vào nhà máy chế biến bằng một hệ thống gọi là Jack Ladder.



Các giai đoạn trong tiến trình sản xuất.

Qua khói Jack ladder, gỗ sẽ được đưa tới máy lột vỏ gỗ (Debarker). Vỏ gỗ này dùng để chạy nhà máy nhiệt, sẽ nói rõ ở phần nhiệt năng dùng cho nhà máy. Qua khói máy lột vỏ, gỗ nguyên được chuyển đến máy dăm gỗ (Slasher) để cắt ngắn thành từng đoạn gỗ dài khoảng 3 tấc.

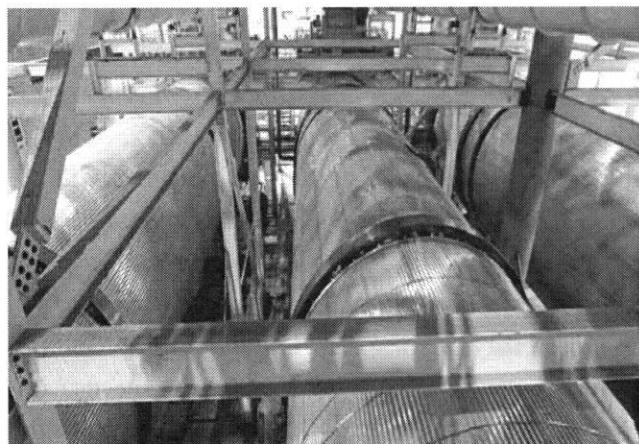


Cambio Debarker

Máy lột vỏ gỗ.

B-Giai Đoạn bào gỗ. Waferiser hay Strander

Các đoạn gỗ vừa được cắt ngắn ở trên, sẽ được chuyển đến máy bào gỗ (Waferiser) để bào thành những lát mỏng 8x1.5x1/16 inches. Vì các lát gỗ mỏng này mềm và còn ướt nên chúng sẽ được chuyển đến bồn chứa (Green Bin), đặt trên cao. Dăm bào, từ bồn chứa, sẽ rơi tự do vào máy sấy (Dryer), có chuyển động xoay vòng để hút hết chất ẩm trong các dăm bào.



Máy sấy dăm bào.

Dăm bào khô từ máy sấy lại được đưa lên cao qua máy ly tâm (Cyclone). Tại đây, dăm bào sẽ tách ra khỏi khí ép (Compressed air), rơi vào trong bồn chứa khô (Dry Bin). Tại bồn chứa khô, dăm bào sẽ rơi xuống máy sàng (Mechanical Screen), đặt phía dưới để loại bỏ phần dơ và kích thước nhỏ không đủ tiêu chuẩn sử dụng.

Phân loại bỏ này chiếm khoảng 10 %, trong đó có 5% còn sử dụng được nếu ta có thể tách rời bụi dơ ra khỏi dăm bào. Nhiều nhà sản xuất máy sàng đã dùng rất nhiều phương pháp để tách rời bụi này, nhưng không thành công vì tính chất tĩnh điện (Electrostatic) của dăm bào. Năm 1996, người viết đã sáng chế ra một máy sàng có tên là Turbo Tamis, áp dụng nguyên lý ly-tâm, đã tách được bụi này, và đã đem về cho nhà máy OSB Forex ở Maniwaki mà chính người viết có trách nhiệm thiết kế và thực hiện, một nguồn lợi không nhỏ. Nhà máy này, hiện tại được sắp vào một trong năm nhà máy có năng suất cao nhứt thế giới. Tới đây xin mở một dấu ngoặc. Đó là một

phản thường tinh thần, mỗi khi nhớ lại thời hoạt động nghè nghiệp của mình người viết rất hanka diện vì mình là một KỸ SƯ CÔNG NGHỆ, được đào tạo tại trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ của Việt Nam Cộng Hoà và được các thầy và các bậc đàn anh như thầy Văn Đình Vinh, thầy Trần Văn Bé, thầy Võ Văn Nhung, thầy Phạm Minh Dũng, thầy Dương Kích Nhưỡng, thầy Võ Thê Hào, thầy Bùi Tiến Rũng, thầy Nguyễn Phước Du, thầy Bùi Văn Lý, thầy Kha Từ Khai v.v.., và các thầy người Pháp như thầy Martin, thầy Granottier, thầy Galois, đã đem những kiến thức nơi xứ người về nước truyền dạy lại cho các đàn em. Thiển nghĩ, chúng ta có được một túi hành trang kỹ thuật khá đầy đủ, để nơi xứ người, không thua sút bất cứ một ai, chính là nhờ các vị thầy và các đàn anh của chúng ta đó.



Bên trong của máy bào Waferiser

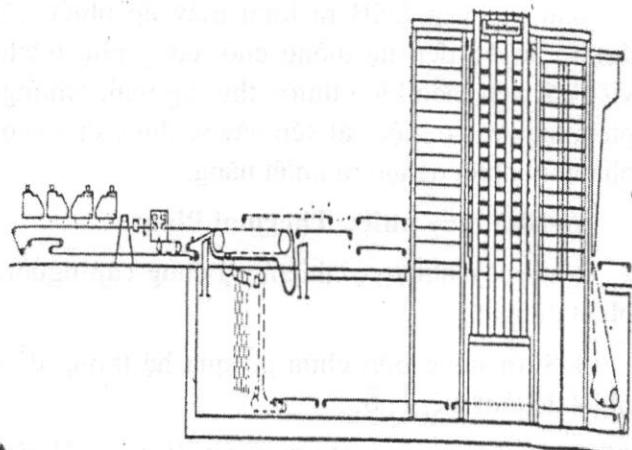
C-Giai đoạn trộn và tẩm keo. Blender.

Các dăm bào gỗ, sau khi sàng lọc, được đưa vào máy trộn với keo. (Cách pha chế loại keo này là bí mật kỹ thuật của từng nhà máy và được giữ kín theo qui chế riêng). Sau khi trộn đều trong máy trộn (Blender), hỗn hợp này được đưa tới những đầu máy tạo lớp OSB sơ khởi. Trung bình gồm có bốn đầu máy; một cho lớp ván dưới cùng, sắp xếp các dăm bào theo chiều dọc. Đầu máy thứ hai cho lớp ván ở trong, sắp xếp các dăm bào theo chiều ngang. Đầu máy thứ ba cho lớp ván ở

trong, sắp xếp các dăm bào theo chiều dọc và đầu máy thứ tư cho lớp ván trên cùng, sắp xếp các dăm bào theo chiều ngang.

D-Giai đoạn tạo thành OSB chưa ép. OSB Mat Former.

Phía dưới các đầu máy tạo hình ván OSB là một băng chuyền (Convoyeur à Bande) có vận tốc rất nhanh và dài khoảng chừng 200 feet, tùy theo kích thước OSB, để chuyển ván OSB chưa ép đến máy ép nhiệt (Hot Press). Trên đường đi đến máy ép nhiệt, ván OSB sẽ được cắt thành đoạn có chiều dài 12 feet, hoặc 24 feet, bằng hai dĩa cưa máy di động (Flying Cut Off Saw), có vận tốc đồng bộ với vận tốc của băng chuyền phía dưới, và di chuyển theo chiều xéo để khi cắt, ta có những ván OSB thật thẳng góc.



Sơ đồ Mat Former và Hot Press

E-Giai Đoạn ép. Hot Press.

Máy ép nhiệt dùng trong kỹ nghệ OSB trung bình có 14 tầng, hợp thành bởi 15 tấm thép dày cỡ 10-12 inches, mỗi tấm thép nặng khoảng 10 tấn và được nung nóng bằng một hệ thống dầu nhiệt, khoảng 200 độ C.

Các ván OSB chưa ép có độ dày nguyên thủy là 8 inches đến 12 inches tùy theo độ dày cuối cùng sau khi ép, được đưa vào máy ép theo cách xen kẽ (interlaced). Nếu ta đánh số tầng của máy ép nhiệt từ dưới lên trên là 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 thì khi máy ép nhiệt đi xuống, các ván OSB chưa ép sẽ được đưa vào tầng 1, 3, 5, 7, 9,

11, 13, và khi máy ép nhiệt đi lên, các ván OSB chưa ép sẽ được đưa vào các tầng 14, 12, 10, 8, 6, 4, 2. Khi tất cả các ván OSB đã vào trong máy ép, tất cả các tấm thép đều đồng loạt ép với áp suất độ 750 psi trong thời gian được tính toán rất kỹ để có được đồng loạt 14 tấm ván OSB. Thời gian này cũng là một bí mật kỹ thuật được mỗi nhà máy giữ kín. Người viết may mắn có cơ duyên biết được yếu tố này của nhiều nhà máy tại Québec, tại Ontario và Oregon qua các chuyến đi hội thảo kỹ thuật của các nhà máy với tư cách là bang thính viên, nhưng nhỡ tai rất thính và bệ-ốc nhớ dai, nên nhớ được hết mà không cần ghi chép. Thời gian này thay đổi theo từng nhà máy, từ 18 sec tới 22 sec cho 1/16 inch.

F- Thành phần OSB. Finishing Line.

Sau khi ván OSB ra khỏi máy ép nhiệt, sẽ được chuyển đến hệ thống cuối cùng phụ trách việc cắt xén theo kích thước thương mại. Những phần loại bỏ do việc cắt xén này sẽ được đưa vào nhà máy nhiệt để tạo ra nhiệt năng.

G-Nhà máy nhiệt. Thermal Plant.

Nhà máy nhiệt có nhiệm vụ cung cấp nguồn nhiệt dùng để:

1-Sưởi nóng bồn chứa gỗ qua hệ thống dầu nhiệt để làm mềm gỗ.

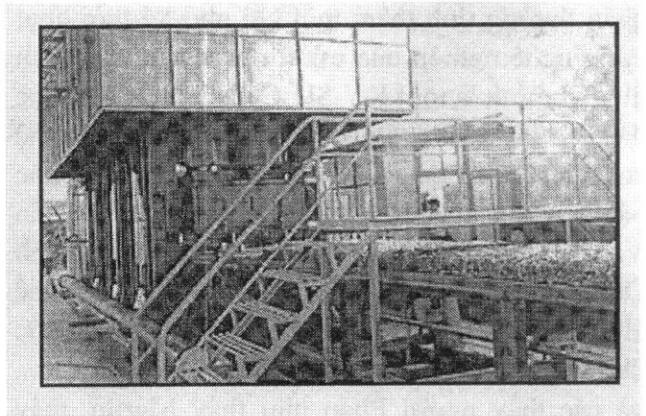
2-Đưa hơi nóng vào máy sấy (Dryer) để sấy khô các dăm bào.

3-Nung nóng các tấm thép trong máy ép nhiệt (Hot Press) qua hệ thống dầu nhiệt.

4-Nung nóng các bồn chứa parafine.

5-Sưởi ấm nhà máy trong mùa đông.

Theo mô hình toán học của người viết lập ra, nếu các thành phần của nhà máy được bố trí và tính toán một cách hợp lý thì với số vỏ gỗ nói ở phần A và phần F dùng để đốt lò nhiệt, ta có đủ nhiệt năng để cung cấp cho nhà máy mà không cần nhiên liệu nào khác nữa.



OSB Hot Press

Thay lời kết.

Mô hình toán học này được thực hiện dựa trên những công thức, cũng dựa trên nhiều năm kinh nghiệm, và những dữ kiện sử dụng được cung cấp bởi những chuyên viên trong kỹ nghệ OSB có từ 30 đến 50 tuổi nghề mà người viết đã có may mắn được gặp và trao đổi quan điểm. Nhìn lại tổng thể dự án này, sở dĩ người viết có cơ hội thực hiện được những công tác đã trình bày với độc giả trên đây, là do sự cộng tác quí báu của nhiều đồng nghiệp. Trong số này có những kỹ sư thâm niên, những giám đốc nhà máy, giám đốc sản xuất, giám đốc kỹ thuật, và rất nhiều chuyên viên khác đầy kinh nghiệm trong nhiều công ty ở Canada và Mỹ. Xin chân thành cảm ơn các đồng nghiệp đã có thái độ yêu nghề chân thành, cộng tác nhiệt tâm và cởi mở. Kể lại một quãng đời nghề nghiệp của mình, người viết chỉ muốn có vài hàng công hiến các bạn đồng song KSCN nói riêng, các bạn đồng nghiệp kỹ sư Việt Nam nói chung, cùng các thân hữu, vừa là để trao đổi kinh nghiệm, vừa để hâm nóng bao kỷ niệm đẹp của mái trường xưa.

Nguyễn Minh Nhựt

TÁM TÀNG

VĨNH NGỘ.

Cũng để tặng những đồng môn Kỹ sư Công Nghệ, cựu Võ Trường Toản Saigon.

Tám Tàng là bạn từ thời thơ ấu của tôi. Chúng tôi ở gần nhà nên trở thành bạn thân, chia sẻ với nhau đủ thứ từ các trò chơi cho đến học hành. Tôi có nhiều bạn bè ở chung xóm, nhưng thân nhất có bốn thằng: Tám Tàng, Sang, Thới và tôi. Ở bậc tiểu học, Tám Tàng và Thới học chung ở trường công lập; còn tôi và Sang học ở một trường tư. Tuy học hai trường khác nhau nhưng chúng tôi vẫn có những giờ học chung với nhau ở nhà, luôn chuyển từ nhà đứa này qua nhà đứa khác. Nói là tụ tập để học nhưng thực tế là gặp nhau để khoe thành tích, học thêm thì ít nhưng đứa giỡn, chọc ghẹo nhau cho vui thì nhiều hơn.

Khi lên lớp năm, là lớp cuối của bậc tiểu học, chúng tôi tự động bỏ chơi đùa và tập trung vào việc học nhiều hơn. Tôi nhớ là chúng tôi không bị áp lực nào từ gia đình về việc học hành, chỉ có gắng học để ganh đua với nhau, trong bốn đứa, và cũng để vượt trội hơn những bạn học từ ngõ trên xóm dưới. Có lẽ, đây là một điều may mắn cho những chú nhóc ăn chưa no lo chưa tới như bọn tôi. Học hết lớp năm, thi lấy bằng Tiểu học rồi phải thi tuyển để được vào trường trung học công lập. Tới lúc này, dù giàu hay nghèo cha mẹ nào cũng khuyến khích con cái ráng thi đậu vào trường công, không phải để đỡ tốn kém chi phí mà quan trọng là ở trường công việc học tập có nề nếp và kỷ luật hơn. Đối với chúng tôi, lên trung học, mặc đồng phục quần dài xanh đậm, áo sơ mi trắng “bỏ trong thùng” là oai lăm !

Nói tới điều may mắn là chúng tôi tự nguyện cô gắng học hành không cần phải thúc đẩy, tôi phải nhắc tới một nhân vật đặc biệt, bác Ba

Phong, một người phát thư vui vẻ, luôn luôn tận tụy với công việc. Chúng tôi gọi ông là Bác Ba và trở thành thân mật hồi nào không hay. Đang ngồi viết chuyện thiếu thời của hơn 60 năm về trước, tôi chưa quên và vẫn còn biết ơn bác Ba Phong, người đã nhen lên và thôi cho bùng cháy ngọn lửa ganh đua học tập cho những học sinh trên suốt con đường nhà tôi, trên lộ trình bưu tín của ông. Bác Ba làm quen với bốn đứa chúng tôi vào một buổi trưa hè oi ả, lúc chúng tôi đang cởi trần, bò lê dưới sàn gạch cho mát để làm toán đố. Bác dừng xe đạp trước cửa, vui vẻ hỏi : “*Làm gì đó các cháu, đang học thi phải không ?*” Chúng tôi cùng ra cửa chào ông phát thư. Bác tự giới thiệu “*Bác thư ba, tên Phong*.” rồi ân cần hỏi thăm việc học của từng đứa. Bác khuyên : “*Ráng thi đậu vào trường công nghệ !*” Những lần sau ghé lại Bác Ba thường kể về thành tích của những học sinh giỏi ở gần đó, đang luyện thi vào đệ thất trường nhà nước như chúng tôi. Bác nói : “*Bác biết gần bưu điện có thằng Phú, nó tự xưng là “vua đồng tử”.* Còn phía dưới chợ thằng Bình cũng học khá lắm, không ai qua nó được về môn toán đó “*vòi nước*”. Các cháu có muốn thử tài cho biết sức học của mình không?” Thật là bất ngờ và lý thú. Vào thời đó, ở lớp nhất các trường tiểu học thầy giáo thường khuyến khích thi đua, đứa nào dẫn đầu một môn toán thì được phong làm “vua” môn đó, như lớp tôi có Hai Hô, “vua” nhiều môn, vì hắn không ở gần nên không có mặt trong truyện này. Chuyện thử sức mà bác Ba Phong đề nghị nghe cũng hấp dẫn lắm. Trong bốn đứa, Sang rất háo hức về vụ “tranh tài”, đòi “chơi” liền! Thới

lắc đầu. Tôi chưa kịp phát biểu thì Tám Tàng bảo: “*Môn nào cũng giỏi như thằng ... thằng Sang ... mà còn chưa vỗ ngực ... xưng ... xung danh, mới khá có môn ... môn ... động từ mà đòi làm vua.*” Không để cho Sang có thi giờ nở mũi, Tám Tàng nói tiếp: “*Mà tui bây biết tại ... sao ... sao ... thằng Sang không dám làm ... làm tàng không? Bởi vì lâu lâu nó còn bị tao ... tao ... qua mặt một môn. Hì hì ... Thôi đẹp mấy... thằng ... thằng ... phách lối đi tui bây ơi!*” Tám Tàng có tật khi nói nhiều hay nói nhanh là bị cà lăm. Câu phát biểu tuy lắp bắp nhưng đầy “khích động” vừa rồi làm cả bọn cười hả hê. Trong bốn đứa, Sang là thằng thông minh lanh lợi nhất, cái gì nó cũng đi đầu, nói trước. Thói hiền lành, chăm chỉ và sорт sáng. Còn Tám Tàng thì quá đỗi hiền, ít nói. Cả bọn biết cái đầu thông minh của hắn chứa nhiều điều hay ho lắm nhưng ngại nói ra sợ bạn cười vì giọng ngắt ngứt, ít khi xuống xe. Khô thêm một nỗi, mỗi lần “cóc mở miệng” nếu không lạc quẻ thì cũng ngang phè phè, thằng ruột ngựa, chẳng sợ thằng nào buồn lòng hết. Vì thế, hắn là người bị chọc ghẹo nhiều nhất. Mỗi lần tức quá vì không có tài ăn miếng trả miếng, hắn giận xanh cả mặt, miệng nói láp nháy ít câu chẳng ăn nhầm vào đâu rồi bỏ đi. Được một cái là không bao giờ giận lâu. Sang đặt cho hắn cái biệt hiệu “Tám Tàng”, được hai thằng còn lại đồng ý ngay; và hắn vẫn mãi là Tám Tàng thân quí trong tim của ba đứa chúng tôi từ thời niên thiếu hồn nhiên vô tư, cho đến ngày hắn lia bỏ vợ con nơi xứ lạ quê người, bỏ lại ba thằng bạn nổi khổ trên cõi tục lụy này để đi về miền vĩnh phúc.

Chúng tôi thi đậu Tiểu học dễ dàng, chỉ còn chờ ngày thi tuyển vào trường trung học công lập. Bác Ba Phong gợi ý: “*Các cháu tính thi vô trường nào? Theo Bác, mấy cháu nên chọn một trong hai trường Pétrus Ký hay Võ Trường Toản ...*” Thầy Lâm, dạy lớp Nhứt A của trường, khuyên tôi và Sang, hai “con gà tuyển” của Thầy, nên thi vô Võ Trường Toản, vì theo Thầy, trường này kỷ luật cao và dạy hay nữa. Tôi rủ Thới và Tám Tàng đi theo, hai thằng chịu ngay vì trường Võ Trường Toản gần nhà chúng tôi nhất. “Sĩ tử” ghi danh quá đông

nên phải nhờ cơ sở nhiều trường khác làm phòng thi. Vì tên của bốn đứa có mẫu tự gần nhau nên được sắp thi chung ở trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng, gần Đa kao. Tôi nhớ hoài ngày đi thi vào Võ Trường Toản, một ngày hạnh phúc nhất vì Bố của Thới bao một chiếc taxi chờ bốn đứa đi thi. Ông đi theo xe luôn, chờ thi xong đón về nhà. Khi tới nơi, trước khi vào thi ông đã vỗ vai từng đứa chúc may mắn. Và không còn nỗi sung sướng nào hơn là Thầy Lâm cũng chạy xe mobylette theo taxi đến trường thi để o bế hai “con gà” trong “độ đầu” lớn.

Sáng sớm ngày niêm yết danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp đệ thất, dù tự tin sẽ đậu nhưng chúng tôi cũng nôn nao, hồi hộp. Hôm trước, Tám Tàng khoe là Má Tư của hắn mới ghé nhà chơi và cho tiền dỗ bạn đi ăn sáng trước khi đi xem kết quả thi. Tám Tàng gọi cô Tư của hắn là Má Tư vì bà thương nó lắm, bà giàu có nên lo cho thằng cháu dù thứ. Tôi dậy sớm, chạy tới nhà Thới đã thấy đủ mặt ở đó. Cả bọn kéo qua tiệm phở đổi diện làm một chầu “đã chi” rồi đón xe buýt lên sở thú, xuống xe lội bộ đến trường trung học Võ Trường Toản ở gần đó. Còn sớm, nắng chưa lên cao mà thí sinh đã tụ tập đông nghẹt, ở cổng trước đường Nguyễn Bình Khiêm và cổng sau đường Nguyễn Du, vì danh sách được niêm yết ở cả hai cổng. Tôi đang phân vân chưa biết tính sao thì Sang nói lớn: “*Ba thằng bây đứng ngoài, sát lưng đám đông, để mình tao chen vô. Đọc thấy tên đứa nào tao sẽ la lên!*” Thằng này, sáng nay làm coi được quá, có tác phong “lãnh tụ” thiệt! Nghĩ lại thấy Sang xung phong cũng phải vì trong bốn đứa chỉ có hắn vạm vỡ, mạnh như trâu. Tôi thì ôm nhom, liều mạng chen vô chắc phải lượm từng lóng xương. Thới nhỏ con, hắn có biệt danh “ốc tiêu” nên ít dám bon chen. Còn Tám Tàng chỉ được cái nước cao ráo thôi chứ hỏng mấy gan, thấy đông người như vậy hắn đã ón rồi! Sang nhào vô, cật lực chen lấn và lẹ làng biến mình trong đám đông. Một lúc sau, tiếng Sang cát lên dõng dạc, rõ ràng như tiếng gọi số lô tô. “*Nghe Sang đọc nè ... 1,2,3 ... 5 chưa có ... 10 ... 15 không có ... 20 cũng chưa ... 25 ... 30 chưa thấy ... 35 ... 40 rồi, hè hè, thằng Ngô đậu*

hạng 40 ... tới nứa nè, thằng Thới 42 ... 45 không có ... A ha, Tám Tàng đậu hạng 47 Bà con oi ! Cho chun ra bà con oi. Rót rồi. Hì hì !" Sang lách ra khỏi đám đông, quần áo bèo nhèo, tóc tai bù xù, mặt buồn hiu "Ba thằng tụi bây đậu cao, tao nhào tiều rồi !" Tám Tàng lên tiếng, giọng buồn bã, chậm rãi "Thôi đừng buồn nghe Sang. Học tài thi phận. Hồi sáng này tụi mình cam kết đứa nào đậu hạng thấp nhất phải dãi một chậu nước đá. Ăn phở rồi tao vẫn còn tiền, thôi tao bao luôn. Bây giờ đi há, chứ ở đây làm chi!" Tôi biết Tám Tàng thương thằng bạn nghèo nên chơi đẹp. Bốn đứa kéo nhau đi uống nước đá bào si rô ở cổng Thảo cầm viên. Thấy Sang mới buồn đó đã vui trở lại, Thới sinh nghi hỏi "Nói thiệt đi, mày đậu hạng mấy, học cỡ mày làm sao rót được ?!" Sang nhìn Tám Tàng cười hì hì " Cám ơn chầu nước đá nghe mậy! Thầy tụi bây buồn tao không dám đứa dai nữa. Tao đậu, hạng thứ 35 thôi. Học tài thi mang mà. Tám Tàng nói đúng, lâu lâu cũng có đứa qua mặt thằng Ngộ một cái chừ !" Nghe Sang nói tôi vui quá, một nỗi vui trọn vẹn, vì cả bốn đứa đều thi đậu. Hắn đậu hạng cao hơn không làm cho tôi buồn chút nào cả.

Trước khi về nhà, tôi và Sang ghé trường báo tin vui thi đậu. Thới và Tám Tàng đi theo chơi cho biết mặt thầy hiệu trưởng của tôi, một nhà giáo nức tiếng, được phụ huynh trong vùng kính trọng và ngưỡng mộ vì Thầy có biệt tài uốn nắn và dạy dỗ những đứa ngỗ nghịch trở thành học trò ngoan và các em chậm chạp, học kém sẽ học hành tiến bộ. Vừa gặp mặt, Thầy hiệu trưởng đã vui vẻ hỏi ngay: "Đậu hạng mấy, nói cho Thầy nghe coi !" Thầy Lâm đang dạy lớp trên lầu cũng chạy xuống hỏi: "Hai đứa đậu cao lắm phải không ?!" Nghe thưa là Sang đậu hạng 35, tôi hạng 40, hai Thầy rất vui. Thầy Hiệu trưởng bảo: "Mới kiểm điểm sơ sơ, trường mình đậu rất nhiều và có 4 trò đậu từ hạng 50 trở lên rồi đó." Tôi cảm thấy sung sướng vô cùng vì đã không phụ lòng mong mỏi của hai vị thầy khả kính, và ghi tâm tac dạ công ơn dạy dỗ của Thầy. Thầy Lâm hỏi thăm Thới và Tám Tàng, nghe cả hai nói là khi xin thi trong đơn đã chọn

Pháp văn làm sinh ngữ, Thầy bảo: "Thầy có liên lạc với trường Võ Trường Toản và được biết 200 học sinh trúng tuyển sẽ chia làm bốn lớp: đệ thất A gồm những trò đậu từ hạng nhứt tới hạng 50, lớp B cho hạng 51 tới 100 ..v.v.. Những học sinh chọn Pháp văn làm sinh ngữ chính sẽ gom vào lớp D, những học sinh đã chọn Anh văn tùy tút hạng sẽ được chuyển lên các lớp A,B,C Vì vậy bốn em sẽ vào học hai lớp khác nhau." Chuyện bất ngờ này làm cho bốn đứa hơi buồn một chút, nhưng đã chọn rồi không thay đổi được.

Thi tuyển vào trường công, chúng tôi có dịp làm quen với những "vua" mà bác Ba Phong thường nhắc đến, là những "con gà chiến" chỉ gáy trong bội, mới vào "trường đấu" lần đầu. Dùng mấy danh từ đá gà cho vui, nhại theo ngôn ngữ dân gian của dân cá độ mê mòn ăn thua quyết liệt này vào thời đó, ở Saigon. Thằng Bình ở chợ dưới, Thi, Đạt ở gần bưu điện, Đông nhà ở chợ trên cũng đậu vào Võ Trường Toản. Có dịp gặp gỡ Phú thật vui và đầy ngạc nhiên. Chúng tôi mau chóng trở thành bạn vì Phú là một người rất dễ mến, luôn luôn có nụ cười trên môi; và thật bất ngờ, Phú là con của bác Ba Phong. Thầy người bạn mới thật cởi mở, tôi hỏi về danh xưng "vua động tử", Phú cười ha ha: " Vua này vua nọ là do ông già tao đặt đó tụi bây oi! Về xóm tao, ông già khen ngợi bốn thằng bay ở xóm chùa. Ghé xóm chợ trên kể về mấy "vua" của xóm chợ dưới. Cứ thế, Ba tao đã gây phong trào thi đấu, làm cho thằng nào thằng nấy học phò người luôn vì sợ thua!" Khi đã khá thân, Phú tâm sự: "Ba tao thấy đứa nào học khá ống chịu lắm! Anh em tao đứa nào cũng học chăm chỉ vì thương ông già. Ba tao khuyên hoài- Ba chữ nghĩa ít oi làm nghề phát thư này dãi nắng dầm mưa cực lắm. Tui con ráng học sau này đỡ tám thân- !" Phú thi đậu vào trường Pétrus Ký hạng rất cao.

Những năm tháng học ở ngôi trường thân yêu Võ Trường Toản là khoảng thời gian tuyệt vời nhất của thời niên thiếu. Chúng tôi có nhiều bạn mới nhưng bốn đứa vẫn luôn gắn bó bên nhau. Mỗi ngày, cùng đến trường bằng ba chiếc xe đạp mới

toanh. Sang và tôi chở nhau, thay phiên đạp xe mỗi bận đi về vì gia đình chưa mua nỗi cho Sang xe đạp. Có xe đạp riêng để đi học nên “địa bàn hoạt động” của chúng tôi đã mở rộng nhiều lắm. Rủ thêm một số bạn mới, chúng tôi cùng nhau đi chơi xa vào cuối tuần. Đi thăm những vườn trái cây ở Thủ Đức, Lái Thiêu; đi tắm Suối Tiên, suối Lò Ô rất vui nhung không thể bằng những lần chèo xuồng trên sông vào những vùng quê để hái những trái khó tìm ngoài chợ như bình bát, bần, keo ... Trái mọc hoang ở thôn dã ăn chín cây thật là ngon, nhất là leo lên hái rồi ngồi vắt vỏ trên cây xơi luôn. Lý thú nhất là kéo nhau qua phà Thủ Thiêm đi Giồng Ông Tố, rồi xuồng tận Cát Lái lùng vớt cá Xiêm trong những thửa ruộng đã gặt xong, vì chỉ ở vùng này mới có loại cá đá “lì đòn” nhất hạng. Tôi thường bám theo Tám Tàng vì hắn có biệt tài nhìn bọt nước biết chỗ nào có cá nhiều, và cái nghề “bắt đia” rất đáng nể nữa. Mỗi lần đi bắt cá Xiêm chúng tôi đều chuẩn bị kỹ để phòng đia. Đứa nào cũng mặc quần dài, cột túm chặt ống trước khi lội xuống ruộng và đem theo vôi ăn trâu để gạt đia bám vào người. Những tên nhát gan thì đi trên bờ ruộng cầm lon, vợt, vôi ... để hộ họ. Nói là không sợ đia mới dám lội ruộng, nhưng khi bị những con đia trâu to tướng đeo vào cánh tay có đứa hoảng hồn la chói lói. Mỗi lần như thế, Tám Tàng chạy đến, cười hà hà, nói lớn “Có gì mà sợ, coi đây nè mấy thằng thợ đé ...” rồi chỉ dùng hai ngón thoi, một tay nhón đầu con đia giật ra, một tay vuốt cho đia xịt máu có vòi ở đầu kia trông phát khiếp. Tôi chưa thấy có người thứ hai làm được như Tám Tàng, chàng thư sinh hiền lành trông có vẻ nhát gan nhưng có lúc dám chơi bạo như thế.

Vào giờ ra chơi ở trường, ngoài những trò chơi công khai như ca-rô, cờ tướng rất nhộn nhịp vì có ăn thua, không ăn tiền nhưng được ăn quà khi trả tiền nếu thắng; còn có một trò chơi thầm lặng và lén lút nhưng rất vui, đó là rủ nhau lên tầng trên cùng của trường bắt ống nhòm xem các nàng Trung Vương qua lại ở hành lang trên lầu rồi thảm thi phê bình vóc dáng, tướng đi của từng cô. Mỗi

lần chiếu ống nhòm như thế phải cử một tên đứng gác ở cầu thang để báo động khi thấy giám thị đi lên, vì nếu chẳng may giám thị Ngọ, “hung thần” của những tên hay nghịch phá, bắt được là bị ông véo hai tai giật lên đau điếng rồi còn bị phạt cấm túc cuối tuần nữa. Dĩ nhiên là phải nhớ thay phiên cho tên canh cầu thang, không cho xem ống nhòm hắn la làng cũng khổ! Những cô nàng áo dài trắng thoát tha quyến rũ của trường nữ sinh Trung Vương, cùng với trường nam sinh Võ Trường Toản nằm hai bên Bộ Giáo dục, không phải ai cũng thùy mị dễ thương đâu, cũng có những nàng ngổ ngáo gọi chúng tôi là “vô trừng thối” hoặc “vô trật tự” một cách vô tư. Hai mẫu tự TV có thiếu gì chữ “độc địa” để gọi trả đũa, nhưng bọn nam sinh vẫn làm lơ một cách lịch sự. Không phải sợ đâu nhé, tránh né những “bà chưởng” vẫn tốt hơn ! Đến đây, có thể những chàng cựu VTT “chân chính” sẽ thấy tiếc. Chỉ có “người trong cuộc” mới biết trò chơi ống nhòm này hấp dẫn đến cỡ nào. Nếu có tham gia chắc chắn bạn sẽ thích thú lắm khi nhìn sang bên kia cũng thấy mấy cô gioi tay vẩy, một nàng đang chiếu ống nhòm sang ,một tay cầm tấm bìa cứng có ghi “ T.N. đây. Đằng ấy tên gì ?” Hiền khô như Tám Tàng của tui mà cũng sắm một ống nhòm loại chiến để nhìn cho rõ, chứ nói gì ai khác!

Về quà bánh thì phải nói là quá dồi dào. Có tiền, món quà ngon nào cũng có, tập trung trên suốt đoạn đường Nguyễn Du từ Sở thú đến đại lộ Cường Để. Tới giờ nghỉ, cổng sau vừa mở là học trò túa ra như ong vỡ tổ. Ra khỏi cổng là gặp ngay mấy thúng kẹo thật hấp dẫn của Dì Năm. Đây là hàng quà được chiếu cố nhiều nhất, không phải vì có nhiều thứ kẹo vừa ngon vừa rẻ hợp túi tiền, mà còn vì sự vui vẻ và sởi lời của người bán. Dì Năm, tuổi đã trung niên nhưng nhan sắc còn mặn mà lắm. Mua kẹo có tiền thì trả, không có thì Dì vui vẻ cho thiều chừng nào trả cũng được. Dì có một trí nhớ phi thường, không bao giờ ghi sổ nhưng nhớ tên và tiền nợ của từng đứa. Tám Tàng mua kẹo gần như mỗi ngày và thường mua cho cả đám luôn. Hắn, và nhiều tên khác nữa, gọi Dì là má

Năm một cách thân mật. Gần đó là xe bán nước uống của chú Bình. Trong suốt nửa tiếng ra chơi xe của chú lúc nào cũng đông khách vì có nhiều thứ để chọn lựa, từ các loại chè, sinh tố cho đến thạch, sương xâm. Chú Bình là một người chào hàng giỏi. Chú “chê” ra món chè đậu đũa thơm (trái khóm) với nước đá bào, bán đắt quá xá. Món này được thay thế cho đậu đũa bánh lợt. Cái tiếng “lợt” nghe không hên, nên thế bánh lợt bằng thơm cắt nhỏ, sợi dài; nước cốt dừa vẫn giữ, vị chua của trái khóm làm “cân bằng” vị ngọt và béo nên món chè mới này ngon lắm. Không chỉ những chàng lớp đệ tử mà các anh sếp thi tú tài cũng xum nhau ăn vì bị chú Bình “dụ” là ăn chè đậu đũa thơm sẽ đậu chắc (đỗ), và lại đậu cao (thơm) nữa. Tiếc một người có tài “marketing” như chú Bình mà đã sinh bất phùng thời! Thức ăn nước uống đầy dãy, mời bạn đến một xe đầy bán thịt bò viên đặc biệt. Chỉ ghé lại vài chỗ đặc biệt thôi vì không có nhiều thời giờ. Cái xe ôn ào náo nhiệt này dừng sát ngã tư Nguyễn Du - Cường Để, hoi xa trường vì đặc biệt có đồ xí ngầu. Thay vì mua một chén thịt bò viên, nếu đồ xí ngầu thắng sẽ được ăn hai chén, thắng lần thứ hai được bốn chén cứ thế nhân lên. Nếu tiếp tục, thua một lần là mất hết. Chỉ có tôi và Sang tham dự trò gieo hột súc sắc này và ít khi thắng được bốn chén. Tôi nhớ một buổi sáng đẹp trời có một anh đệ tử thắng liên tiếp bốn ván được 16 chén. Thay vì ăn vài chén và bỏ số thẻ đã thắng còn lại vào túi để hôm khác ăn tiếp, anh hào phóng phân phát cho những học sinh có mặt ở đó mỗi đứa một thẻ. Ai cũng khoái chí và vui vẻ ăn để “trả thù” cho những khi thua, chỉ có Tám Tàng từ chối. Trên đường trở lại lớp sau giờ ra chơi, khi ba đứa tôi cật vấn hắn nói: “Ăn như vậy kỳ quá, với lại thấy bản mặt bí xị của anh chết bán bò viên tao không muốn ăn!” Đúng là lý sự tám tàng!

Thời trung học ở ngôi trường Võ Trường Toản thân yêu là một thuở “vàng son, trăm năm hò dẽ mấy ai quên”. Ngoài việc học hành chăm chỉ đã trở thành nề nếp không có gì đáng kể, bốn đứa chúng tôi còn có thú vui văn nghệ với những kỷ niệm không thể nào quên. Âm nhạc làm cho tâm

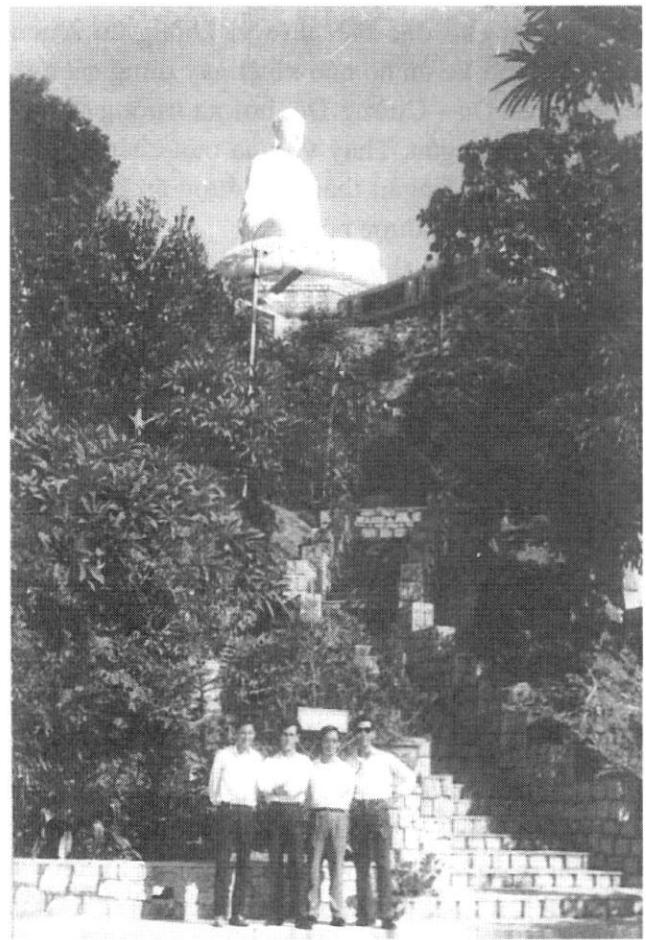
hồn con người sảng khoái hơn để hát hay không bằng hay hát. Vì sảng khoái nên trở thành bạo dạn, dám đem cung đàn tiếng hát đi “dế” mấy cô láng giềng khi mới mười mấy tuổi đầu. Trong bốn đứa, Tám Tàng đẹp trai nhất, nhà khá giả nhất, còn Sang đứng hạng chót cả về “nhan sắc” lẩn gia cảnh, nhưng hắn ăn nói hoạt bát, có làn hơi êm ái và ngón đàn guitar thuộc loại khá nên nổi bật nhất đám. Chưa lập ban nhạc Sang đã sắp đặt việc cho mỗi thằng. Tôi phải thủ cây mandolin, Sang Thới hát và Tám Tàng dù thoái thác, viện cớ là không có khiếu nhưng vẫn bị thúc bách học thổi sáo. Lạ một điều là không có đứa nào lên tiếng phản đối cả. Tôi thích chiếc guitar cũ kỹ của tôi hơn, nhưng cũng phải giao cho Sang để hắn đàn “giữ nhịp” cho “ban nhạc”. Không chỉ hát cho nhau nghe thôi, bốn tên vẫn gừng điếc không sợ súng còn dám mời bốn cô láng giềng đến dự buổi văn nghệ bở túi. Vì biết nhau từ thuở còn “mày, tao” nên buổi họp mặt của bốn chàng Võ Trường Toản và bốn nàng Gia Long thật vui vẻ và tự nhiên. Trước khi chia tay, có một cô thách thức “Có anh nào dám hát hay đàn liên tiếp mười bản mới là ngon!” Không để cho ai nói gì thêm, Sang cầm cây guitar lên cười “Tôi sẽ đàn solo và hát tặng cô H.N, người yêu cầu, mười bản nhạc”. Hắn hát say sưa không ngừng nghỉ như thế sợ người khác dành mối. Cô H.N khen ngợi nhưng còn “vớt” lại một chút “Hát khá, nhưng cây đàn cũ quá âm thanh nghe không hay!” Cây đàn của tôi cũ bị chê cũng phải, nhưng người tức nhất lại là Tám Tàng. Vì thế, sau đó ít tuần, Tám Tàng đến nhà thấy đứa em tôi đang chơi một bản cổ điển. Chắc nhớ lại đã bị “quê” hôm trước, hắn bảo “Em đàn nghe cũng khá, nhưng cây đàn này tiếng dở thiệt. Thôi, lên xe, anh chờ đi mua cây khác.” Tưởng nói cho vui thôi, ai dè Tám Tàng chờ thắng thằng em qua tiệm đàn Phùng Định ở đường Nguyễn Công Trứ mua tặng tôi một đàn guitar loại thật tốt. Lòng hào sảng của Tám Tàng làm anh em lên tinh thần và ráng chơi cho hay hơn. Nhưng “lực bất tòng tâm”, hay đành phải thú thực, có lẽ là tài nghệ chưa đạt nên không có chàng nào chiếm được trái tim của đối tượng cả. Chuyện tình học trò tuy bồng bột, dẽ

đến mau phai nhưng cũng để lại những kỷ niệm thật êm đềm của một thời niên thiếu đầy mộng mơ. Đa cảm chừng nào càng dễ vuông mắc lưới tình chừng nấy, chỉ có những kẻ an nhiên tự tại, bất cần đời như Thới và Tám Tàng là sướng. Cần kể thêm cho truyện “có hậu” một chút, cuộc giao duyên văn nghệ này có thùy mà không có chung vì mấy cô láng giềng xinh xắn đã sớm bỏ “cuộc chơi” để lên xe bông về nhà thiên hạ trước khi “người xưa” công thành danh toại. Chỉ an ủi được một phần tư là chàng Sang nghệ sĩ và tài hoa được cô em ruột của H.N phải lòng. Hai người đã xây dựng một mái ấm hạnh phúc từ đó cho đến ngày bạc tóc hôm nay với năm đứa con đều đỗ đạt và rất hiếu thảo.

Cả bốn đứa đều thi đậu tú tài 1. Chưa kịp ăn mừng đã phải chia tay. Ba của Sang mất hai năm trước sau một cơn bạo bệnh, nhà đã nghèo càng thêm sa sút. Nhãm không thể tiếp tục con đường học vấn lâu dài, Sang đã quyết định nghỉ học và gia nhập hải quân. Hắn chấp nhận làm thủy thủ cho thoả mong hồ hải hơn là chờ ngày đi Thủ Đức để ra chuẩn úy. Ngày tiễn đưa, nhìn bạn mặc quân phục, đội mũ “tam tang”, vai vác “sac marin” lùi thui bước vào cổng bộ tư lệnh hải quân để chờ phương tiện ra Nha Trang, ba đứa tôi đứng ngoài nhìn theo buồn muôn khóc, thương cho thằng bạn thông minh, học giỏi nhất đám, chỉ vì nghèo mà phải sớm bỏ bút nghiên. Thiếu người dìu giõn, chọc ghẹo nên những cuộc họp mặt còn ba đứa sau đó thật buồn tẻ, vì cả ba thằng đều hiền khô như nhau. Một bất ngờ khác lại đến. Thới không chờ thi tú tài toàn phần, nộp đơn thi vào sư phạm để làm giáo viên. Nghe Thới thông báo, hiền như Tám Tàng còn không giữ được bình tĩnh: “Mày có khùng không? Học giỏi như mày cuối năm nay lấy tú tài hai rồi thi đậu vào đại học sư phạm dễ dàng mà. Sao lại tính làm giáo viên vậy hả?!” Thới đáp tinh bô: “Tao thích nghề giáo và chỉ muốn làm giáo viên dạy trẻ con thôi!” Tôi và Tám Tàng nói nặng nói nhẹ, ngăn cản thế nào hắn cũng không nghe. Tức quá, hai thằng tôi tới nhà hỏi thăm Ba của Thới về quyết định rẽ ngang thật đáng tiếc

này. Ông bảo: “Bác cũng khuyên nhưng nó không nghe. Thôi kệ nó!” Ra về, Tám Tàng còn chưa hết tức: “Thằng Thới này mới chính công là tám tàng, chứ không phải tao!”

Gia đình Tám Tàng khá giả nhờ bà Mẹ buôn bán tảo tàn. Sập bán trái cây của bà ở chợ Bà Chiểu càng ngày càng đắt hàng. Việc kinh doanh mở rộng thêm với một vựa trái cây cung cấp cho nhiều sạp bán lẻ. Tám Tàng vừa đủ tuổi lấy ngay bằng lái xe hơi. Hàng ngày, buông sách vở là lái chiếc xe Lambro ba bánh chạy tới lui chở trái cây từ vựa ra các chợ. Hắn thường rủ tôi theo xe làm phụ xe. Đi theo chơi cho vui thôi, tôi đòi phụ khiêng các giỏ trái cây hắn nhất định không cho. Hắn đùa: “Tao chỉ có tiền trả cà phê thôi, chứ không đủ tiền mua thuốc bó xương cho mày



Vũng Tàu 1964 -
Tám Tàng đứng thứ nhì từ bên trái

đâu !” Thằng bạn nhìn mặt tướng hiền, chứ giỡn cũng độc. Ý hắn nói tôi ốm yếu khiêng vác nặng dám gãy xương lăm ! Sang học xong khoá huấn luyện, trở về được làm ở Hải quân công xưởng. Thói còn đang học giáo viên ở Saigon, nên bốn đứa vẫn họp mặt với nhiều tiết mục mới mẻ vì có hai thằng đã vào đời rồi. Thói học xong, được bổ nhiệm dạy ở một trường tiểu học ngay thị xã Vũng Tàu. Sang, chàng thủy thủ ôm梦 hải hò không được xuống tàu nhưng vì giỏi hơn đồng đội nên được cử đi học truyền tin ở Hoa kỲ. Mừng cho thằng bạn nghèo có cơ hội thăng tiến trong quân ngũ. Hai đứa bạn đã yên phận. Tám Tàng tuy bận rộn giúp cho gia đình trong việc buôn bán nhưng học vẫn giỏi lắm. Xong tú tài hai, tôi và Tám Tàng may mắn thi đậu vào trường Quốc gia Kỹ sư Công nghệ. Sang lại được đi tu nghiệp ở Hoa kỲ lần thứ hai, học xong về nước trở thành một chuyên viên vô tuyển giỏi của hải quân, dài kiêm báo hay ra đa nào hư hỏng là có mặt Sang. Con đường Saigon Vũng Tàu hơn một trăm cây số mà vẫn thấy gần vì những khi Sang được “đi bờ” (chàng lính thủy làm việc trên bộ nhưng lại khoái nói chữ này, dùng cho thủy thủ được phép) thường rủ tôi và Tám Tàng ra Vũng Tàu thăm Thói, nên chúng tôi thường họp mặt vui vẻ, tình bạn càng ngày càng thân thiết.

Bốn năm học Kỹ sư Công nghệ qua nhanh. Xong việc học, tôi và Tám Tàng đều phải nhập ngũ theo lệnh tổng động viên vì tình hình chiến tranh leo thang. Sau khi tốt nghiệp chuẩn úy từ trường bộ binh Thủ Đức tôi về Tổng cục Quân huấn, sau đó được biệt phái về nhiệm sở cũ, một nhà máy gần biên giới Việt Miên. Tám Tàng lãnh sự vụ lệnh đến trình diện Đại tá Huỳnh Thu Toàn, chỉ huy trưởng Lục quân công xưởng của Quân cù ở Gò Vấp. Đại tá Toàn, kỹ sư Công nghệ khoá 4, là một đàn anh hào hoa văn võ song toàn rất đáng kính, luôn tìm cách nâng đỡ các kỹ sư đàn em, dù là thuộc cấp trong quân ngũ hay vẫn còn là dân sự, khi còn đương thời cũng như lúc đã ra nước ngoài sau biến cố đau thương 1975. Năm 1971, Tám Tàng lập gia đình. Đám cưới được tổ chức thật

ấm cúng tại tư gia, thân phụ của Tám Tàng trong lễ phục của tín hữu Cao Đài đã tiếp đãi mọi người thật trang trọng và thân tình. Đại tá Huỳnh Thu Toàn đã đến dự tiệc cưới. Đây là lần cuối cùng tôi được gặp anh. Tiếc là người huynh trưởng tôi ngưỡng mộ đã không còn nữa. Tiếp theo đó, Sang Thói và tôi lần lượt cưới vợ. Tám Tàng và Sang bận rộn đời lính, tôi và Thói làm việc xa thành phố nên bốn tên bạn nỗi khổ ít có dịp họp mặt như thời độc thân.

Biến cố 30 tháng 4, 1975 đến không ngờ. Bốn phận đời nhỏ nhoi của chúng tôi đã chìm nổi theo vận nước tang thương. Trung sĩ hải quân Sang được giúp cho di tản nhưng lảng xăng lo cho gia đình hai bên nên cuối cùng “mắc cạn”. Gần hết gia đình bên vợ của hắn đã thoát trên chuyến tàu cuối cùng. Thầy hiệu trưởng Thói ở ngay Vũng tàu, nhiều học trò nhà có ghe đánh cá mời đi theo nhưng phải chạy về Saigon thu xếp gia đình Bố Mẹ, khi trở ra thì thuyền đã nhỏ neo! Hoàn cảnh của tôi còn đáng tiếc hơn. Đêm 30 tháng 4 đèn tối áy tôi đã một mình ra khơi cùng nhóm bạn từ bến tàu Hà Tiên. Sáng sớm hôm sau, tàu cặp bến Rạch Giá để tôi và vài anh em khác đón vợ con đi cùng. Tôi đã lấy một quyết định sai lầm là ở lại để chờ đi cùng gia đình bên vợ. Sự khờ khạo, hấp tấp, thiếu suy nghĩ thấu đáo này đã mang lại cho tôi những ngày tháng bi đát suốt năm năm dài sau đó. Với tâm trạng rối bời, tôi và Tám Tàng đã chui đầu vào rọ, bị lừa gạt trình diện học tập một tháng cho “xong sớm nghỉ sớm”! Từ đó, mỗi đứa mỗi ngã, lo cho thân mình còn chưa xong đâu còn tâm trí nghĩ về bạn bè.

Lịch sử đã sang trang. Đất nước lọt vào tay bọn thống trị tàn độc. Các cơ sở y tế và kỹ nghệ có chủ mới. Một bầy bác sĩ kỹ sư đông đảo từ miền Bắc vào tiếp thu các bệnh viện và nhà máy. Bọn kỹ sư “xã nghĩa” bằng cấp kỹ thuật đầy mình, nhưng hầu hết chưa qua tiểu học, và những bác sĩ “xuyên tâm liên” vào Nam tận mắt nhìn thấy những nhà thương, nhà máy tân tiến, đã ngơ ngác bần thần như những thầy bói mù sờ voi. Để sinh tồn, đảng cướp CSVN đã ra những nghị quyết cho bần dân

biết là sẽ khoan hồng cho bác sĩ kỹ sư về nhiệm sở cũ trước đây để đoái công chuộc tội, ra sức lao động xây dựng đất nước, sớm trở thành công dân tốt của xã hội mới không còn cảnh người bóc lột người, chỉ có người giết người trong bóng tối mà thôi. Cái ngón lừa phỉnh đầy tính đạo đức giả thật trắng trợn và vô liêm sỉ này đã khiến cho một số trí thức miền Nam sớm thoát cảnh đày đọa ở những trại tù cải tạo, trở về chỗ làm việc cũ để tiếp tục một cuộc sống tù nhân mới với đầy dẫy những oan khiên của đòn thù đê tiện, của rình rập đe dọa và khủng bố tinh thần. Tôi là một trong số người này.

Vào một ngày cuối năm 1979, sau giờ nghỉ ăn trưa, một người tài xế phụ trách đưa đón thợ làm việc ngoài phạm vi nhà máy tìm tôi, nói là “*Có một cán bộ tư xung là kỹ sư Tám Tàng từ Phú Thọ vào tìm anh. Ông ta đang chờ anh ở trạm bom số 1*”. Tin bất ngờ khiến tôi phân vân, nhưng linh tính báo cho tôi biết người tìm tôi không ai khác hon là Tám Tàng. Không kịp suy tính lợi hại, tôi quyết định đi theo anh tài xế ra trạm bom vì tin chắc là người nhân viên cũ này không gài bẫy hại tôi. Xe vừa xuống hết dốc cầu, nhìn thấy rõ người đang đứng chờ dưới bóng cây, tôi đã cố dắt con xúc động để khỏi vui mừng la lên “*Trời ơi. Bạn hiền của tôi đây!*” Bỏ tôi xuống, anh tài xế biết ý lái xe vào đậu khuất sau hàng rào trạm bom. Tay bắt mặt mừng. Tôi nhìn kỹ thằng bạn, kỹ sư Tám Tàng hiền lành, trắng trẻo đẹp trai, bạn tôi ngày xưa, bây giờ trở thành cán bộ Tám Tần với quần áo bộ đội bạc màu, mặt đen xạm đầy vẻ phong trần. Trong hoàn cảnh nguy hiểm này, Tám Tàng đã dành nói hết từ đầu đến cuối. Đoạn đời khổ ai hơn 4 năm dài của bạn được kể lại trong ít phút. Tám Tàng đã vượt trại cải tạo thành công, về thành phố sống lây lát chờ cơ hội vượt biên. Hoàn cảnh như vậy, Tám Tàng chỉ có thể đi một mình, để vợ con ở lại. Hôm đó, trên đường đến điểm hẹn đi qua nhà máy, biết tôi còn ở đây, bạn ghé thăm để từ giã. Tôi còn nhớ lời cuối của Tám Tàng trước khi chia tay: “*Tao ghé thăm bấy giờ chỉ sợ gây phiền*

phức cho mày, phần tao không lo vì tao có giấy tờ đi công tác. Tao nghe tin anh Tư (kỹ sư Huỳnh Thu Toàn, CN4) đang ở Cali, nếu tao đi lợt sẽ qua đó tìm anh. Mày đi sau, chúc may mắn. Nếu mày đi Mỹ, cứ tìm được anh Tư là tự mình sẽ gặp lại.” Nói xong, Tám Tàng buông bả đi ngay. Lúc đó, tôi mới để ý có một người đang ngồi chờ ở gốc cây không xa. Khi Tám Tàng đi ngang, người đàn ông mặc đồ dân sự đứng dậy, giờ nón rơm lên vẫy chào tôi. Tôi nhận ra người đồng hành của bạn không xa lạ gì, cũng là một cựu Võ Trường Toản, cùng lớp đệ thất D với Tám Tàng. Anh tài xế chờ tôi ra đã lái xe đi rồi. Tôi đi bộ thông thả về nhà máy. Qua cầu, gió thoảng mát rượi, lòng tôi dâng lên một nỗi vui. Tôi mừng cho bạn đã thoát được địa ngục trần gian và cầu mong cho bạn gặp may mắn trong chuyến đi xa này. Vượt ngục từ hầm kiên giam của những trại cải tạo là chuyện thiên nan vạn nan, không mấy ai đã thành công vì kém may mắn hay thiếu thời cơ. Thời thế tạo anh hùng. Người bạn hiền lành nhút nhát năm xưa của tôi nay đã thành một tay bắn lanh đáng nể. Thật không ngờ, đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Tám Tàng đã đi thoát. Đúng như đã ước hẹn với tôi, khi sang Hoa Kỳ Tám Tàng tìm gặp anh Tư, được anh bảo bọc trong thời gian đầu xa lạ nơi xứ người. Nửa năm sau, tôi cũng đi được, nhưng hoàn cảnh đã đầy đàu già đình tôi trôi giạt xuống tận Nam bán cầu, để rồi không bao giờ gặp lại bạn hiền. Đến đây, chắc các anh chị và các bạn đã biết Tám Tàng, người bạn hơn nửa thế kỷ của tôi, là Huỳnh Văn Phước, kỹ sư Công nghệ khoá 11, cựu trung úy phục vụ ở Lực lượng công xưởng thuộc ngành Quân cụ, quân lực VNCH.

Mãi đến năm 2005, dân Công nghệ ly tán khắp năm châu tìm được nhau nhờ website “kysucongnghe.net”. Tôi và Phước nối lại liên lạc sau 26 năm gián đoạn. Vì khác biệt mũi giờ nên gọi điện thư tiện lợi hơn điện thoại. Qua vài lần gọi nói chuyện, tôi nhận ra giọng nói của bạn không khác nhiều so với trước, vẫn nhỏ nhẹ và thân tình, khi nói nhanh vẫn còn hơi lấp bấp. Liên lạc không thường xuyên và liên tục, có lúc tôi

phải nhờ nhiều đồng môn Công nghệ hỏi thăm để cập nhật tin về Phước. Những thư Phước gửi cho tôi cái nào cũng ngắn gọn và buồn. Tôi đoán được cuộc sống tha phương của bạn nhiều phiền muộn, sức khoẻ không tốt khiến bạn luôn bi quan và yếm thế. Năm 2010, Phước gọi điện thoại, cho hay là sắp đi du lịch Úc châu và hỏi địa chỉ của tôi để ghé thăm. Sau khi ghi địa chỉ, Phước hỏi nhà tôi ở Perth và thành phố Melbourne, noi gia đình cô em gái của hắn đang định cư, có xa lăm không ? Tôi trả lời là gần 5 giờ bay, đầu dây bên kia im lặng một lúc rồi nghe tiếng lầu bầu “xa quá dzậy há !” Nói chuyện tiếp tục, cho đến lúc gác máy Phước không nhắc lại việc sẽ đến thăm tôi và anh chàng đã không đến. Tôi thông cảm vì đường xá xa xôi, nhưng vẫn thấy buồn cười vì bạn tôi biết thật ít về địa lý nước Úc và sau mấy mươi năm tha phương hắn vẫn “tám tàng” như xưa, không ghé cũng không thèm nói gì cả. Một tháng sau, Sang ở Saigon gửi điện thư cho tôi, cho biết là trên đường từ Úc trở lại Hoa Kỳ Phước đã ghé Saigon thăm một người em trai và đi kiếm hai thằng bạn nổi khồ còn ở lại Việt Nam. Sau bao năm xa cách, dù đã có nhiều đổi thay, Phước vẫn dò tìm được căn nhà nhỏ của Sang nằm trong một con hẻm thật sâu và ngoằn ngoèo. Hai tên rủ nhau tìm thăm Thới nhưng không gặp, vì thầy hiệu trưởng mẫu mực này đã bị “cách mạng” đày lên vùng miền đông đất đỏ từ lâu lắm rồi. Sang kể thêm “Tám Tàng rủ tao đi ăn. Ăn thôi chứ không có nhậu, vì anh Tám đã qui y tam bảo và ăn chay trường rồi mà oi !” Thật bất ngờ nhưng tôi không ngạc nhiên vì một người hiền lành với cái tâm bồ tát và hiền như Phước, việc tìm đến sự an lạc cho tâm hồn qua giáo lý nhà Phật cũng dễ hiểu và đáng mừng. Tháng 6 năm 2011, Phước cùng vợ tham dự Đại hội Kỹ sư Công nghệ kỳ 5 được tổ chức ở “thủ đô tị nạn Việt Nam” Little Saigon, California. Xem DVD ban tổ chức Đại hội gởi cho, dù biết sức khoẻ của Phước không tốt lắm, đã phải mổ tim mấy lần, tôi rất mừng thấy bạn vẫn khoẻ và tươi vui. Hình ảnh của hai bạn trong DVD này vẫn trẻ trung và phong độ không khác gì mấy so với những hình chụp buổi lễ gia tiên trong đám cưới của ái nữ mà

Phước đã gửi tặng tôi mấy năm trước.

Sang năm 2012, Phước bệnh nặng. Tin từ các bạn đồng môn Công nghệ cho biết, sau nhiều ngày trị liệu bác sĩ mới định được bệnh. Phước bị biến dạng đốt xương cổ làm nghẽn dây thần kinh điều khiển bộ phận tiêu hoá nên không thể ăn uống khiến sức khoẻ sa sút mau chóng, phải chờ khoẻ lại mới có thể giải phẫu được. Tin này đã làm cho tôi hoảng sợ vì chính bản thân tôi cũng chịu đựng đau khổ nhiều năm vì hai đốt xương cổ bị móp làm nghẽn dây thần kinh xuống hai cánh tay làm cho đau nhức, có lúc một cánh tay bị bại liệt luôn. Tôi thật buồn và lo lắng, ngày đêm cầu nguyện cho bạn hiền sẽ qua nạn khỏi. Dù bệnh viện đã làm hết sức, và trưởng nam của Phước, một bác sĩ đang phục vụ ở một nhà thương khác cũng đã về để hội chẩn cứu chữa, nhưng bạn tôi không qua khỏi, đã nhắm mắt xuôi tay vào ngày 28-4-2012. Làm theo di ngôn của Phước, gia đình đã hoả thiêu và tro cốt của bạn hiền đã được rải xuống biển. Tôi muốn xem cái chết của Phước là một sự giải thoát cho một sinh mệnh đã chịu đựng đau khổ vì bệnh tật dài ngày, nhưng sự mất mát này đã làm cho tôi xuống tinh thần và buồn bã rất lâu.

Tôi viết xong bài này vào ngày giỗ đầu, như một nén tâm hương, để tưởng niệm kỹ sư Huỳnh văn Phước, người bạn thân quí của tôi trong 56 năm cuộc đời. Tám Tàng ơi! Đúng như tâm nguyện, tro tàn hoả thiêu nhục thân của bạn giờ này chắc đã trôi về quê nhà bên kia bờ đại dương xa thẳm. Cầu chúc hương linh của bạn mãi rong chơi nơi miền cực lạc. Mong cho những người thân yêu của bạn hiền luôn an lành và hạnh phúc.

VĨNH NGỘ

(Tây Úc, mùa thu 2013)